

Số: 25 /QĐ-HĐTMNĐH

Đức Hợp, ngày 25 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch giáo dục
Năm học 2024- 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG MẦM NON ĐỨC HỢP

Căn cứ thông tư số 52/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 Thông tư ban hành Điều lệ trường mầm non của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo;

Căn cứ điều 8 nghị định số 24/2021ND-CP ngày 23/3/2021, Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

Căn cứ quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Kim Động về việc thành lập hội đồng trường Mầm non Đức Hợp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Căn cứ biên bản họp đầu năm học 2024 - 2025 ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng trường Mầm non Đức Hợp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nhất trí với nội dung kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 trường Mầm non Đức Hợp đã xây dựng.

Điều 2. Hiệu trưởng trường Mầm non Đức Hợp tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 đã được Chủ tịch Hội đồng trường phê duyệt đồng thời công khai kế hoạch giáo dục đã được phê duyệt lên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các đồng chí Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, trưởng các bộ phận có liên quan trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành căn cứ quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 1 (t/h);
- Websize nhà trường (t/b);
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH - HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Miên

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số của Hội đồng trường Mầm non Đức Hợp)

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hợp nhất Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND, ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên quyết định ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ kết quả chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhà trường năm học 2023-2024; Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, của địa phương (cơ sở vật chất, đội ngũ và trẻ). Trường Mầm non Đức Hợp xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 -2025 như sau:

PHẦN I

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Bối cảnh năm học 2024-2025

* CSVC:

Trường có 2 điểm, điểm chính đặt tại Thôn Đức Trung có tổng số nhóm, lớp: 9 (7 lớp Mẫu giáo; 2 nhóm trẻ), điểm lẻ thôn Đức Quang có tổng số nhóm, lớp 7 (6 lớp Mẫu giáo; 1 nhóm trẻ)

+ Tổng số phòng học: 16 phòng (trong đó 9 phòng cao tầng, 7 phòng kiên cố) các phòng học được trang bị đầy đủ quạt mát, điều hoà, thiết bị ánh sáng đảm bảo cho hoạt động ăn, ngủ, học tập của trẻ.

+ Nhà trường có các phòng chức năng theo quy định (Phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, y tế, văn phòng, phòng giáo dục thể chất và âm nhạc, phòng bảo vệ...

+ Bếp ăn: Nhà trường có 2 bếp ăn được xây dựng theo quy chuẩn bếp ăn một chiều tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường trong khâu chế biến và theo dõi việc thu mua, chế biến thực phẩm.

+ Có hệ thống nước sạch đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dưỡng của trẻ.

+ Các phòng học được trang bị các danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi tương đối đầy đủ theo quy định.

+ Sân chơi có đầy đủ các đồ chơi ngoài trời đảm bảo cho trẻ vui chơi và hoạt động ngoài trời.

* Số lượng:

Năm học 2024 - 2025, trường có 430 học sinh với 16 nhóm lớp.

+ Nhà trẻ: 03 nhóm = 80/175 cháu, đạt 46 % trẻ trong độ tuổi tuyển sinh;

+ Mẫu giáo: 13 lớp = 350/350 cháu, đạt tỷ lệ 100% trẻ trong độ tuổi;

+ Huy động 100% trẻ 5 tuổi trên địa bàn xã ra lớp đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, 100% trẻ đi học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường.

*** *Đội ngũ:***

Toàn trường có tổng số 32 đ/c CB, GV, NV; trong đó CBQL: 03 đ/c; Giáo viên: 23 đ/c; Nhân viên: 06 đ/c (bảo vệ và nhân viên nấu ăn)

+ Đảng viên: 18 đồng chí; Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp 04 đ/c; Sơ cấp: 14 đ/c.

+ Trình độ chuyên môn: Đại học: 26/26 đ/c đạt tỷ lệ 100%.

+ *Cảnh quan môi trường*

- Trường có khuôn viên sân chơi rộng rãi và được trồng các cây xanh, cây hoa, cây cảnh.

- Khu vực không gian chơi ngoài trời cho trẻ được bố trí sắp xếp hợp lý thuận tiện và đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia chơi.

- Khu vực cổng trường và các mảng tường bên ngoài lớp học được vẽ trang trí bằng những hình ảnh ngộ nghĩnh gần gũi với trẻ.

- Trong các phòng học được trang trí mang tính thẩm mỹ, thân thiện phù hợp lứa tuổi, các góc cho trẻ hoạt động được bố trí theo hướng mở thuận tiện, hợp lý linh hoạt đáp ứng nhu cầu nhu cầu hứng thú hoạt động vui chơi của trẻ, có đa dạng đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu cho trẻ hoạt động, các đồ chơi sáng tạo do giáo viên tự làm từ các nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương.

- Một số lớp đã xây dựng các góc áp dụng phương pháp giáo dục Stem. Đến nay trường mầm non Đức Hợp đã có quang cảnh khuôn viên đảm bảo môi trường giáo dục “Xanh - An toàn- Thân thiện” đảm bảo cho công tác ND - CS- GD trẻ.

2. Thuận lợi, khó khăn

- Trường Mầm non Đức Hợp luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của các đồng chí lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Kim Động về công tác chuyên môn; sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể về công tác phát triển giáo dục mầm non của xã nhà, đặc biệt quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho nhà trường để thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

- Trẻ đến trường được phân chia theo từng độ tuổi từ 24 tháng đến lớp mẫu giáo 5 tuổi. Năm học 2024-2025 trường tổ chức dạy ở 2 điểm đó là khu Đức Trung và khu Đức Quang với 16 lớp học với tổng số trẻ dự kiến là 430 trẻ.

- Chế độ chính sách đối với trẻ thuộc đối tượng hộ nghèo được quan tâm như; chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa, cấp bù học phí được chi trả đúng, đủ và kịp thời.

- 100% trẻ được thực hiện theo Chương trình GDMN, trong đó việc sử dụng và áp dụng phương pháp lấy trẻ làm trung tâm được nhà trường thực hiện thường xuyên, năm học 2024-2025 nhà trường tiếp tục triển khai áp dụng một số phương pháp dạy học của một số nước tiên tiến như Stem, Montessori vào một số hoạt

động cho trẻ.

- Trẻ được học 2 buổi /ngày và được trang bị tương đối đầy đủ đồ dùng phục vụ cho việc vui chơi và học tập hàng ngày.

- Đa số trẻ trong nhà trường khỏe mạnh, nhận thức tốt, có thể thực hiện được chương trình giáo dục mầm non.

- 100% giáo viên có trình độ đại học SPMN, đa số giáo viên có chuyên môn vững vàng, đội ngũ CBGVNV nhiệt tình, đoàn kết, đủ điều kiện để thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo chương trình GDMN quốc gia.

- Tập thể CB - GV luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có kinh nghiệm trong giảng dạy và công tác, có lòng nhiệt tình, luôn đi đầu trong mọi lĩnh vực, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, khiêm tốn, học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Hiệu trưởng nhà trường rất quan tâm đến việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường.

- Đa số phụ huynh trẻ quan tâm đến việc học tập của con em tại trường, nhiều phụ huynh có kinh tế ở mức trung bình khá trở lên so với mặt bằng chung, phụ huynh trẻ chủ yếu đi làm công nhân tại các khu công nghiệp lân cận và buôn bán nhỏ.

- Trường có một chi bộ Đảng luôn đạt chi bộ trong sạch vững mạnh. Đội ngũ đảng viên trong chi bộ luôn phấn đấu đi đầu trong công tác, có tổ chức Công đoàn chăm lo kịp thời đời sống CBGVNV thúc đẩy tình đoàn kết trong nội bộ nhà trường, đẩy mạnh các phong trào đi lên: Phong trào “Phụ nữ giỏi việc trường, đảm việc nhà”, các ngày hội ngày lễ ngày càng được quan tâm.....

+ *Khó khăn:*

Bên cạnh những thuận lợi nói trên, trong công tác chỉ đạo về chuyên môn và hoàn thiện CSVC nhà trường cũng đã gặp phải một số vấn đề khó khăn vướng mắc:

- Trường chưa tập trung vào một điểm trường nên phần nào cũng ảnh hưởng đến công tác quản lý của BGH nhà trường.

- Tỷ lệ giáo viên/lớp chưa đảm bảo theo đúng quy định (mới đạt 1,4 GV/lớp) nên cũng ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tỷ lệ trẻ em độ tuổi nhà trẻ trong xã đến trường còn hạn chế .

- Khả năng nhận thức của giáo viên trong việc tiếp thu kiến thức, phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm còn hạn chế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy chưa đạt hiệu quả cao.

- Đồ dùng đồ chơi cho trẻ thực hiện phát triển vận động còn ít, chưa đồng bộ.

- Một số bậc phụ huynh sự hiểu biết còn hạn chế nên cũng ảnh hưởng đến công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

3. Quy mô phát triển trường lớp

Tổng số lớp: 16 nhóm, lớp; số trẻ: 430, trong đó:

- Khối mẫu giáo 5 tuổi: 04 lớp: 120 trẻ

- Khối mẫu giáo 4 tuổi: 05 lớp: 120 trẻ

- Khối mẫu giáo 3 tuổi: 04 lớp: 110 trẻ

- Khối nhà trẻ: 03 nhóm: 80 trẻ

4. Cơ sở vật chất, kỹ thuật

- Tổng số phòng học: 16 phòng (9 phòng cao tầng, 7 phòng kiên cố).

- Các phòng chức năng tương đối đầy đủ theo quy định (Phòng hội đồng, 2 phòng chức năng, phòng y tế, phòng Hiệu trưởng...)

- Bếp ăn 150m² đạt tiêu chuẩn bếp ăn 1 chiều, có đủ các thiết bị cần thiết trong chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.

- Các phòng học được trang bị các danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi tương đối đầy đủ theo quy định.

- Tất cả các phòng học đều sạch sẽ, đầy đủ trang thiết bị đảm bảo cho việc dạy và học của nhà trường.

5. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

* **Tổng số 32 đ/c, trong đó:**

- Ban giám hiệu: 03 đ/c trong đó: 3/3 đ/c có trình độ Đại học Đạt 100%.

- Giáo viên: 23 đ/c trong đó: Trình độ Đại học: 23/23 đ/c Đạt 100%;

- Nhân viên nấu ăn: 04 đ/c; NV bảo vệ: 02 đ/c.

- Đội ngũ CBGVNV nhiệt tình, đoàn kết, chuyên môn vững vàng, 100% GV đạt trình trình độ trên chuẩn, đủ điều kiện phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

7. Cơ cấu tổ chức chuyên môn: Số tổ chuyên môn: 4 tổ

+ Tổ: Nhà trẻ

+ Tổ: 3 - 4 tuổi

+ Tổ: 4 - 5 tuổi

+ Tổ: 5 - 6 tuổi

II. MỤC TIÊU CHUNG

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

Nhằm phát triển phẩm chất năng lực của trẻ phù hợp với mục tiêu chương trình GDMN và liên thông với chương trình GD phổ thông.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục được quy định tại Chương trình giáo dục hiện hành và đạt mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; đáp ứng nhu cầu hứng thú của trẻ và đảm bảo công bằng, bình đẳng, tôn trọng trẻ; đề cao sự tham gia, liên kết chặt chẽ và phối hợp hiệu quả của cha mẹ trẻ, xã hội, cộng đồng phù hợp với bối cảnh địa phương và của nhà trường.

Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy trẻ làm trung tâm phát huy, kích lệ được tính chủ động sáng tạo của trẻ, tăng cường rèn kỹ năng sống cho trẻ, kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề trong thực tiễn. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ tạo cơ hội cho giáo viên phát huy tính chủ động sáng tạo trong tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm cho trẻ.

Đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý, tạo điều kiện cho các tổ chuyên môn, giáo viên được chủ động cụ thể hóa các Mục tiêu - Nội dung chương trình giáo dục của Bộ sao cho phù hợp với văn hóa của địa phương, điều kiện của nhà trường, nhóm lớp và khả năng, nhu cầu của trẻ.

Hướng trẻ tiếp cận dần với tiếng Anh, công nghệ số và giáo dục giới phù hợp độ tuổi. Giúp trẻ đáp ứng sự phát triển của xã hội hiện nay và biết bảo vệ bản thân, có ý thức trong định kiến giới.

Nhằm giúp cho cán bộ quản lý nhà trường có định hướng, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh hoạt động chuyên môn và thực hiện chương trình giáo dục mầm non của nhà trường cuối mỗi chủ đề, học kì và cuối năm học. Làm cơ sở để cán bộ quản lý nhà trường theo dõi quản lí việc thực hiện chương trình giáo dục nhà trường đã xây dựng. Để có những điều chỉnh, hoàn thiện tiếp theo.

1. Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

1.1. Nuôi dưỡng, chăm sóc:

- Thực hiện nghiêm túc chăm sóc, nuôi dưỡng bảo đảm an toàn cho trẻ mọi lúc, mọi nơi.

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa đảm bảo chất dinh dưỡng, đủ khẩu phần ăn của một trẻ/ngày.

- Phấn đấu 16/16 lớp ăn bán trú với tổng số trẻ: 430/430 cháu đạt tỷ lệ 100%

- Trẻ có nề nếp trong ăn uống, được uống đủ nước, uống nước đun sôi để nguội khi thời tiết nóng nắng và ủ nhiệt độ ấm khi thời tiết lạnh.

1.2. Giáo dục mầm non:

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

2. Xây dựng môi trường giáo dục.

2.1. Môi trường vật chất

a) *Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp*

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- + Trẻ 24-36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b. Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực vườn cỏ tích được bố trí rất đẹp mắt, thuận tiện cho trẻ thăm quan, dã ngoại và học những tiết văn học, nghệ thuật...

2.2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường Mầm non Đức Hợp luôn đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

3. Cho trẻ làm quen tiếng Anh

Thực hiện theo thông tư số **50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình làm quen với tiếng anh dành cho trẻ em mẫu giáo. Nhà trường có hợp đồng với công ty Victoria phân giáo viên đến dạy tiếng Anh cho trẻ độ tuổi 4 - 5 tuổi.**

Chương trình được xây dựng nhằm hướng tới hình thành, phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh theo nhu cầu và khả năng của trẻ; góp phần chuẩn bị tốt hơn cho việc học tiếng Anh ở bậc tiểu học.

+ Chỉ tiêu phấn đấu:

- 100% trẻ 5 tuổi tham gia học làm quen với tiếng anh.
- 90-95% trẻ 4 tuổi tham gia học làm quen với tiếng anh.
- 65-90% trẻ có khả năng giới thiệu tên, tuổi... của bản thân bằng tiếng Anh.
- 60-90% trẻ có khả năng gọi(nói) tên một số đồ vật, con vật, cây cối, hoa, quả, phương tiện giao thông đơn giản gần gũi bằng tiếng Anh.
- 65-90% trẻ nói được một số câu chào hỏi, cảm ơn xin lỗi... bằng tiếng Anh.

4. Tiếp cận công nghệ số.

Ứng dụng phương tiện công nghệ thông tin nhằm giúp trẻ tiếp cận, bổ

sung kiến thức một cách nhạy bén và hứng thú trong học tập thông qua một số hoạt động: KPKH, LQCC, LQVT, một số trò chơi ...giúp trẻ có một số khả năng:

- Tắt, mở ti vi, điện thoại...
- Trẻ biết sử dụng chuột khi tham gia vào một số hoạt động.
- Trẻ biết đeo tai nghe đúng cách...

+ **Chỉ tiêu phân đầu:**

- 100% trẻ được hướng dẫn tiếp cận công nghệ số thông qua một số hoạt động.

- 85-95% trẻ có khả năng tắt, mở máy tính, ti vi, điện thoại...và thao tác mở một số chương trình, phần mềm dành cho trẻ mầm non.

- 85-95% trẻ sử dụng được bảng tương tác.

- 80-90% trẻ có khả năng mở được đường link và sử dụng một số phần mềm vui chơi, học tập dành cho trẻ mầm non.

5. Tiếp cận phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến của các nước trên thế giới và trong khu vực (Ứng dụng Steam).

Việc tiếp cận “*Ứng dụng PPGD tiên tiến Steam*” nhằm góp phần nâng cao vị thế, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ đồng thời nêu cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Ứng dụng PPGD tiên tiến Steam với phương châm đào tạo lấy trẻ làm trung tâm; Tôn trọng đặc điểm, tính riêng biệt của từng trẻ, tạo điều kiện cho trẻ phát triển theo khả năng riêng của mình; Khuyến khích trẻ chủ động với môi trường xung quanh. Đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.

Tạo điều kiện để giáo viên thực hiện tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục kỹ năng phù hợp với lứa tuổi trong việc thực hiện Chương trình GDMN. Căn cứ vào đặc điểm của trẻ, điều kiện của thực tế của lớp, giáo viên tham khảo các phương pháp học Steam, để phát triển chương trình.

Cán bộ quản lý, giáo viên được nâng cao nhận thức và năng lực về ứng dụng PPGD tiên tiến, đổi mới tổ chức một số hoạt động GD trẻ trong nhà trường theo quan điểm GD lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp điều kiện cụ thể của trường, lớp, địa phương.

+ **Chỉ tiêu phân đầu:**

- 100% giáo viên dạy các khối lớp 3,4 và 5 tuổi trong toàn trường thực hiện ứng dụng phương pháp giáo dục Steam vào một số hoạt động.

- Đối tượng được học, tiếp cận theo PPGD tiên tiến Steam là học sinh các khối lớp 3 tuổi, 4 tuổi và 5 tuổi trong nhà trường.

* **Nội dung triển khai thực hiện:**

+ **Đối với Ban giám hiệu nhà trường:**

- Xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch thực hiện việc ứng dụng PPGD tiên tiến Steam đến toàn thể GV trong nhà trường. Chỉ đạo các Tổ trưởng, Tổ phó các khối lớp, căn cứ vào thực tế của nhà trường, vào nhận thức của trẻ từng

độ tuổi, để XD kế hoạch và thống nhất các nội dung thực hiện với giáo viên từng khối, lớp về việc ứng dụng PPGD tiên tiến Steam vào một số hoạt động linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của trẻ tại lớp.

- Tập trung đầu tư kinh phí, đồng bộ về các điều kiện cơ sở vật chất, đồ dùng, trang thiết bị dạy và học theo hướng hiện đại, tạo điều kiện cho GV thực hiện tốt các hoạt động GD trẻ ở trường hàng ngày.

- Tập trung bồi dưỡng kỹ năng, tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên được tiếp cận với PPGD tiên tiến thông qua các buổi dự chuyên đề, tham quan học tập tại các trường điểm trong huyện, tỉnh, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn hàng tháng, nhằm nâng cao kỹ năng ứng dụng PPGD tiên tiến Steam theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

- Nâng cao nhận thức cho đội ngũ giáo viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng về việc ứng dụng PPGD Steam cho trẻ trong nhà trường.

- Định hướng, hướng dẫn GV xây dựng môi trường học tập tại lớp học theo môi trường mở, tập trung vào việc thiết kế các dự án học tập phù hợp với nhận thức của trẻ trong lớp tại các góc.

- Chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh về công tác phối kết hợp quyên góp các nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương cho trẻ thực hiện các dự án học tập tại lớp.

- Tổ chức các hoạt động kiến tập về ứng dụng PPGD Steam tại trường cho 100% giáo viên trong trường được dự, học tập, trao đổi kinh nghiệm.

+ **Đối với giáo viên:**

- Lựa chọn thực hiện việc ứng dụng PPGD tiên tiến Steam tại lớp phù hợp với nhận thức của trẻ lớp mình và cụ thể hoá vào một số hoạt động trong từng chủ đề sao cho phù hợp và có hiệu quả.

- Nắm vững định hướng đổi mới PPGD tiên tiến theo cách tiếp cận học qua chơi, phát huy tối đa năng lực của trẻ.

- Hiểu được các nguyên tắc GD lấy trẻ làm trung tâm, để lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức hoạt động Steam phù hợp.

- Xây dựng góc Steam tại các lớp học cụ thể; sưu tầm các nguyên vật sẵn có tại địa phương; vận động phụ huynh ủng hộ các nguyên vật liệu mở phục vụ cho hoạt động.

- Tạo nhiều cơ hội cho trẻ trải nghiệm thông qua các hoạt động hàng ngày ở mọi lúc, mọi nơi.

- Đánh giá mức độ hiểu biết của trẻ trong nhóm lớp và sự phát triển cá nhân trẻ.

- Nhận thức được sự cần thiết phải đổi mới hình thức giáo dục.

- Chọn lọc các dự án, chủ đề phù hợp với độ tuổi mẫu giáo.

- Giáo viên thiết kế các hoạt động học ứng dụng PPGD Steam để triển khai trong quá trình dạy học, các hoạt động thuộc chương trình giáo dục MN theo hướng tiếp cận tích hợp các hoạt động.

- Hình thức tổ chức hoạt động Steam cần linh hoạt, có thể kết hợp các hoạt động trong và ngoài lớp học, nhưng cần đảm bảo mục tiêu dạy học của phần nội dung kiến thức trong chương trình đưa ra.

- Tăng cường tổ chức hoạt động theo nhóm, để phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho trẻ, nhưng phải chỉ rõ nhiệm vụ và sản phẩm cụ thể của mỗi trẻ trong nhóm.

- Nội dung các HĐ Steam cần bám sát nội dung chương trình của các hoạt động, nhằm thực hiện chương trình GDMN theo thời lượng quy định của các hoạt động trong chương trình.

+ **Đối với trẻ:**

- Trẻ có cơ hội được học tập, trải nghiệm, khuyến khích trẻ khám phá, tìm tòi. Phát huy năng lực tư duy sáng tạo, tư duy logic, khả năng giải quyết vấn đề, Có cơ hội ứng dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế để tạo ra các sản phẩm có ý nghĩa, khơi dậy niềm yêu thích của trẻ, là tiền đề thuận lợi cho các bậc học sau.

- Trẻ tự lựa chọn hoạt động (với điều kiện là các hoạt động này đã được giáo viên lên kế hoạch sắp xếp trước, trẻ không bị ngắt quãng hay làm phiền trong quá trình “*làm việc*”; Học sinh học hỏi khái niệm, kiến thức thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế với các học cụ, mô hình mang tính chất khám phá, xây dựng, hơn là học theo chỉ dẫn trực quan.

6. Tiếp cận giáo dục giới

- Nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...

- Trẻ biết tự bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình...

- Nhận diện được các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.

+ **Chỉ tiêu phân đầu:**

- 85-90% trẻ nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...

- 80-90% trẻ biết tự bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình...

- 80-90% trẻ nhận diện được các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.

7. Giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ.

Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non là điều vô cùng cần thiết, đặc biệt là kỹ năng tự phục vụ. Việc rèn kỹ năng tự phục vụ đóng vai trò quan trọng cho quá trình phát triển của trẻ. Giúp trẻ có những kỹ năng cơ bản tự phục vụ bản thân những việc đơn giản như:

* Trẻ từ 18 - 24 tháng: Trẻ có thể bắt đầu khám phá việc tự lấy thức ăn vào bát và xúc ăn, cầm cốc uống nước, rửa mặt và tay, đánh răng, xếp quần áo vào tủ, treo áo lên móc, cởi quần, cởi và cất giày, bỏ rác vào thùng...

* Trẻ từ 2-3 tuổi: Trẻ bắt đầu học cách sử dụng giấy ăn, dọn bát đĩa khi ăn xong, rót nước từ bình vào cốc, tự mặc áo chui đầu, chải tóc, đi giày không buộc dây, cho quần áo vào giỏ giặt, học cách lau vết bẩn...

* Trẻ từ 3-4 tuổi: Ngoài việc tiếp tục thực hành các kỹ năng của 2-3 tuổi, trẻ cũng có thể thực hành cài cúc áo và buộc dây giày, tự tắm và dọn giường với sự hỗ trợ, biết dùng bồn để rửa trái cây/ cốc, và các kỹ năng nấu ăn đơn giản (đập trứng, làm sandwich, cắt lát chuối...).

* Trẻ từ 4-6 tuổi: Trẻ sẽ nắm chắc hơn các kỹ năng được thực hành ở các lứa tuổi nhỏ hơn, trẻ đã có thể tự mặc quần áo, tự chọn quần áo phù hợp với thời tiết, dùng chổi và cây lau nhà, rửa trái cây/bát đĩa/cốc và học thêm các kỹ năng nấu ăn (nhặt rau, cắt nguyên liệu bằng dao an toàn...)

+ **Chỉ tiêu phân đầu:**

- 95% trẻ 24 - 36 tháng thực hiện được một số kỹ năng tự phục vụ đơn giản: cầm cốc uống nước, bỏ rác vào thùng, cất dép đúng nơi quy định...

- 90-95% trẻ 3 - tuổi biết thực hiện các kỹ năng thực hành cài cúc áo và buộc dây giày, tự tắm và dọn giường...

- 100% trẻ 4- 6 tuổi có một số kỹ năng tự phục vụ: tự chọn quần áo phù hợp với thời tiết và một số kỹ năng nhặt rau, rửa ca cốc...

8. Giáo dục kỹ năng bảo vệ môi trường.

Giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non với mục đích tạo nên lối sống có ý thức và đúng đắn với môi trường. Chính vì vậy chương trình giáo dục môi trường cho các bé độ tuổi mầm non gồm các nội dung sau:

Tiết kiệm tài nguyên: Dạy trẻ tiết kiệm tài nguyên như điện, nước bằng cách dạy bé tắt điện trước khi ra khỏi phòng, mở nước đủ dùng, dùng giấy tiết kiệm...

Bỏ rác đúng quy định: Dạy trẻ phân loại và vứt rác đúng nơi quy định để hình thức ý thức tốt đẹp cho con mọi lúc mọi nơi.

Những hành động tốt góp phần bảo vệ môi trường: Trồng cây xanh, nhặt rác, quét sân, phân loại rác, sắp xếp đồ đạc đúng nơi quy định...

Giáo dục trẻ bảo vệ môi trường thông qua lao động: như chăm sóc cây cối, vệ sinh lớp học, lau chùi đồ dùng đồ chơi...

+ **Chỉ tiêu phân đầu:**

- 100% trẻ tại các nhóm lớp có ý thức tham gia bảo vệ giữ gìn môi trường thông qua các hoạt động trải nghiệm, tham quan...

PHẦN II: NUÔI DƯỠNG - CHĂM SÓC - GIÁO DỤC

A: Nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ nhà trẻ

I. Nuôi dưỡng chăm sóc sức khỏe

Tăng cường công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ sức khỏe, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần, hạn chế tuyệt đối các tai nạn trong công tác phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ trong nhà trường.

Đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong công tác tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các hoạt động nuôi dưỡng của giáo viên như sau:

1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
24 - 36 tháng	Cơm thường	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal

+ Mục tiêu:

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

Mức ăn của trẻ 14.000đ/ngày. Cán bộ phụ trách dinh dưỡng xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: Phân đầu nhu cầu về năng lượng:

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

+ Chỉ tiêu phân đầu:

- Phối kết hợp tổ nuôi dưỡng xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa đảm bảo chất dinh dưỡng, đủ khẩu phần ăn của một trẻ/ngày.

- 100% trẻ ăn bán trú tại trường.

- 100 % trẻ có nề nếp trong ăn uống, được uống đủ nước, uống nước đun sôi để nguội khi thời tiết nóng nắng và ủ nhiệt độ ấm khi thời tiết lạnh.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 3 đến 12 tháng ngủ 3 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.

- Trẻ từ 12 đến 18 tháng ngủ 2 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

+ **Chỉ tiêu phân đầu:**

- 100% Trẻ ngủ trên giát giường, trang bị thêm quạt, điều hòa, chiếu chăn đảm bảo chống nóng, chống rét cho trẻ.

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân. Đối với cá nhân trẻ có đầy đủ đồ dùng vệ sinh, đồ dùng để trẻ rửa mặt, rửa tay (giấy, xà phòng, khăn lau, khăn mặt...). Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện vệ sinh cá nhân theo yêu cầu từng độ tuổi) trẻ nhỏ, lớn có hướng dẫn trẻ tự rửa tay, lau mặt. . .

- Vệ sinh cho trẻ trước và sau khi ăn xong; rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

- Thường xuyên vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học, trồng nhiều cây xanh, cây hoa... tạo môi trường học tập Xanh - An toàn - Thân thiện.

+ **Chỉ tiêu phân đầu:**

- 100% trẻ được trang bị đầy đủ đồ dùng cá nhân và có ký hiệu riêng cho từng trẻ.

- 100% các nhóm lớp thực hiện vệ sinh trong và ngoài lớp học thường xuyên.

- 100% các nhóm lớp thực hiện phân loại rác thải đúng quy định.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

+ **Chỉ tiêu phân đầu:**

- 100% trẻ có sổ sức khỏe và được khám sức khỏe định kì 2 lần/năm, cân, đo theo dõi sức khỏe của trẻ bằng biểu đồ cân nặng, chiều cao 2 tháng một lần.

Giảm từ 1% số trẻ SDD so với cùng kì năm trước.

- Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới 3%, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 2,5%, phòng chống béo phì.

- Phối hợp với trạm y tế khám sức khỏe định kỳ 2 lần/ năm học, mặc quần áo gọn gàng, vệ sinh cá nhân sạch sẽ khi chăm sóc trẻ.

- 100% các nhóm lớp thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc, nuôi dưỡng bảo đảm an toàn cho trẻ mọi lúc, mọi nơi.

II. Giáo dục:

1. Tổ chức môi trường cho trẻ môi trường cho trẻ hoạt động

1.1 Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- + Có khu vực đủ rộng cho trẻ chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ vận động.

- + Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.

- + Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

- Có khu vui chơi với cát, nước...

1.2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

2. Chương trình giáo dục:

Mục tiêu chung.

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp 100% trẻ từ 24 tháng tuổi đến 36 tháng trong nhà trường phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

*** Phát triển thể chất**

+ Mục tiêu:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.

- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.

- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).

- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.

- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

+ Chỉ tiêu phấn đấu;

- 97- 100% trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- 100% trẻ thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.

- 100% trẻ Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.

- 100% trẻ có một số tố chất vận động ban đầu (nhẹ nhàng, khéo léo, thăng bằng cơ thể).

- 100% trẻ Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.

- 100% trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

*** Phát triển nhận thức**

+ Mục tiêu:

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.

- Có sự nhạy cảm của các giác quan.

- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

+ Chỉ tiêu phấn đấu;

- 100% trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.

- 100% trẻ có sự nhạy cảm của các giác quan.

- 100% trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

- 100% trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

*** Phát triển ngôn ngữ**

+ Mục tiêu:

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.

- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.

- Hồn nhiên trong giao tiếp.

+ Chỉ tiêu phấn đấu;

- 100% trẻ nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.

- 100% trẻ biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

- 100% trẻ sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.

- 100% trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.

- 100% trẻ hồn nhiên trong giao tiếp.

*** Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ**

+ Mục tiêu:

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.

- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.

- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích

nghe đọc thơ, kể chuyện...

+ **Chỉ tiêu phấn đấu;**

- 100% trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.

- 100% trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

- 100% trẻ thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.

- 100% trẻ thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

III. Kế hoạch thực hiện

1. Phân phối thời gian:

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong trường mầm non Đức Hợp. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của nhà trường.

+ Học kỳ I: 18 tuần bắt đầu từ ngày 06/9/2024, kết thúc trước ngày 18/01/2025

+ Học kỳ II: 17 tuần. Hoàn thành chương trình giáo dục và kết thúc năm học trước ngày 31/5/2025.

- Quy định số tuần học:

+ Nhà trường xây dựng 35 tuần thực học (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần).

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chế độ sinh hoạt:

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lý ở nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.

- Ngủ: 1 giấc trưa.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ

50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

3. Giáo dục:

3.1. Giáo dục phát triển thể chất

a) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.
- Các cử động bàn tay, ngón tay.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.
- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.

3.2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Luyện tập và phối hợp các giác quan

Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

b) Nhận biết

- Một số bộ phận cơ thể của con người.
- Một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.
- Một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.
- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian so với bản thân trẻ.

- Bản thân và những người gần gũi.

3.3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các giọng nói khác nhau.
- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm các âm khác nhau.
- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.
- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

c) Làm quen với sách

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

3.4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

a) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

b) Phát triển kỹ năng xã hội

- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.
- Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.

c) Phát triển cảm xúc thẩm mỹ

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.
- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.

IV. Mục tiêu nội dung giáo dục:

*** Dự kiến các mục tiêu và thời gian thực hiện:**

T T	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các mục tiêu				Điều chỉnh và thực hiện
				GDPTTC	GDPTNT	GDPTNN	GDPT TCKN XH& TM	
1	Bé và các bạn	3T	09/09/2024 27/09/2024	1,2,5, 9,10	18, 19, 23	29,30, 31	40,44 45	
2	Đồ chơi của bé	4T	30/09/2024 25/10/2024	1,2,9 10,11	17,23,24 ,26.	27,29, 30,31	37,40 44,45	
3	Các cô bác trong nhà trẻ	3T	28/10/2024 15/11/2024	1,2,11,12.	18,25,26	28,29, 30,	38,42 44,45	
4	Bé và những người thân yêu	3T	18/11/2024 06/12/2024	1,2,4,7, 13	16,17,19 23,24,25	27, 29,31.	34,44 45.	
5	Những con vật đáng yêu	4T	11/12/2023 05/1/2024	1,2,5,6,7, 14.	16,20 23,24,25 26.	29,31,34.	39, 44,45	
6	Ngày tết vui vẻ	3T	06/01/2025 24/01/2025	1,2,3, 5,8	22,24,25	31,32.	42, 44,45	
7	Cây và những bông hoa đẹp	4T	27/01/2025 21/02/2025	1,2,4, 5,8.	20,25, 26.	29,31.	36,44 45.	
8	Bé với các PTGT	4T	24/02/2025 21/03/2025	1,2,5, 6,12.	20,23,26	29,31, 33.	43,44 45.	
9	Mùa hè đến	3T	24/03/2025 11/04/2025	1,2,3, 5,15.	21,24,26	29,31, 33.	43,44 45.	
10	Bé lên mẫu giáo	4T	14/04/2025 09/05/2025	1,2,3, 6,15	17,18,23 ,25,26.	31,33.	44,45	

- Mục tiêu: 1,2,29,31,44,45 là các mục tiêu thực hiện xuyên suốt trong năm học (cuối năm mới đánh giá trẻ)

*** Dự kiến các chủ đề nhánh và các sự kiện trong năm học.**

STT	Tên chủ đề	Chủ đề nhánh	Các sự kiện	Tuần	Thời gian thực hiện
1	Bé và các bạn (3 tuần)	Bé biết nhiều thứ		1	09/9 - 11/9/2024
		Các bạn của bé		2	16/9 - 20/9/2024
		Lớp học của bé		3	23/9 - 27/9/2024
2	Đồ chơi của bé (4 tuần)	Bé với đồ dùng quen thuộc	15/10 và 20/10	4	30/9 - 4/10/2024
		Những đồ chơi bé thích		5	7/10 - 13/10/2024
		Bé với đồ chơi chuyên động được		6	14/10 - 18/10/2024
		Đồ chơi lắp ráp xây dựng.		7	21/10 - 25/10/2024
3	Các cô bác trong nhà trẻ (3 tuần)	Bác cấp dưỡng		8	28/10 - 01/11/2024
		Cô giáo của bé		9	04/10 - 08/11/2024
				10	11/11 - 15/11/2024
4	Bé & những người thân yêu (3tuần)	Mẹ của bé	Ngày 20/11	11	18/11 - 22/11/2024
		Người thân yêu của bé		12	25/11 - 29/11/2024
		Đồ dùng trong gia đình bé		13	02/12 - 06/12/2024
5	Những con vật đáng yêu (4 tuần)	Con vật nuôi trong gia đình (gia cầm)	Ngày 22/12	14	09/12 - 13/12/2024
		Con vật nuôi trong gia đình (gia súc)		15	16/12 - 20/12/2024
		Con vật sống dưới nước		16	23/12 - 27/12/2024
		Con vật sống trong rừng		17	30/12 - 03/01/2025
6	Ngày tết vui vẻ (3tuần)	Mùa xuân với bé		18	06/01 - 10/01/2025
		Một số bánh kẹo ngày tết		19	13/01 - 17/01/2025
		Ngày tết với bé		20	20/01 - 24/01/2025
7	Cây và những bông hoa đẹp (4 tuần)	Cây xanh và môi trường sống <i>Nghỉ tết(27/01 đến hết 31/01) DL</i>	Tết Nguyên Đán	21	27/01 - 31/01/2025
		Một số loại rau		22	03/02 – 07/02/2025
		Một số loại hoa		23	10/02 - 14/02/2025
		Một số loại quả		24	17/02 - 21/02/2025
8	Bé với các PTGT	PTGT đường bộ	Ngày 8-3	25	24/02 - 28/02/2025
		PTGT đường bộ		26	03/03 - 07/03/2025
		PTGT đường thủy		27	10/03 - 14/03/2025

	(4 tuần)	PTGT đường hàng không		28	17/03 - 21/03/2025
9	Mùa hè đến (3 tuần)	Thời tiết mùa hè		29	24/03 - 28/03/2025
		Bé làm được gì trong mùa hè		30	31/03 - 04/04/2025
		Quần áo trang phục mùa hè		31	07/04 - 11/04/2025
10	Bé lên mẫu giáo (4 tuần)	Trường mẫu giáo của bé	Ngày 19/5	32	14/04 - 18/04/2025
		Lớp học của bé		33	21/04 - 25/04/2025
		Cô giáo của bé		34	28/04 - 02/05/2025
		Bé tham gia các hoạt động		35	05/05 - 09/05/2025

*** Mục tiêu, nội dung giáo dục:**

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
1. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT:	
MT1: Trẻ thực hiện các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước nghiêng người sang hai bên, vặn người. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
MT2: Trẻ giữ thăng bằng trong khi vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp + Đi có mang vật trên tay + Chạy theo hướng thẳng + Đứng co một chân
MT3: Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Tung - bắt bóng với cô khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.	- Tập tung, ném, bắt: + Tung - bắt bóng cùng cô. + Ném bóng vào đích.
MT4: Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – chân- mắt: Nhảy bật tại chỗ bằng hai chân; Bật qua kẻ vạch.	- Tập nhún bật: + Nhảy bật tại chỗ bằng hai chân + Bật qua kẻ vạch.
MT5: Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên	- Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng

lung.	<ul style="list-style-type: none"> + Bò chui qua công + Bò, trườn qua vật cản
MT6: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	<ul style="list-style-type: none"> + Ném bóng về phía trước + Ném xa bằng 1 tay
MT7: Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	<ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật
MT8: Trẻ phối hợp được cử động cổ tay, bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách
MT9: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống
MT10: Trẻ ngủ một giấc buổi trưa.	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa
MT11: Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định.
MT12: Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh,...).	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định.
MT 13: Trẻ chấp nhận đội mũ khi ra nắng, đi giày, dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cời quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
MT14: Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ hoặc đến gần.

nhắc nhở.	
MT15: Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
2. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC.	
MT16: Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Ném vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)
MT17: Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc.
MT18: Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.
MT19: Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận của cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT20: Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật, PTGT quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.
MT21: Trẻ biết đặc điểm, đặc trưng của mùa hè và một số hoạt động trong mùa hè.	- Nhận biết một số dấu hiệu nổi bật của mùa hè. - Các hoạt động diễn ra trong mùa hè. - Trang phục mùa hè
MT22: Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh

MT23: Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi hình tròn/vuông theo yêu cầu.	- Hình tròn, hình vuông.
MT24: Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to, nhỏ, trên, dưới, trước, sau theo yêu cầu.	- Kích thước (to-nhỏ) - Vị trí trong không gian (Trên-dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ
MT25: Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có số lượng một và nhiều.	- Số lượng một và nhiều.
3. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
MT26: Trẻ Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
MT27: Trẻ Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “... làm gì?”, “..... thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	- Nghe các câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Để làm gì? ở đâu?; Như thế nào?
MT28: Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
MT29: Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau
MT30: Trẻ đọc được các bài thơ ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.
MT31: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Để làm gì? ở đâu?; Như thế nào?; Tại sao?
MT32: Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân.	- Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn và câu dài. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý

- Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	
MT33: Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
4. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI & THẨM MỸ.	
MT34: Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi). MT35: Trẻ thể hiện điều mình thích, không thích.	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
MT36: Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.
MT37: Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái, cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
MT38: Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi.
MT39: Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi, văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, vâng ạ, chơi cạnh bạn, không cầu bạn
MT40: Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
MT41: Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
MT42: Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp; xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.
MT43: Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau: nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
MT44: Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xâu vòng, xem tranh (cầm	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình.

bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Xem tranh. - Tô và di màu không chòem ra ngoài.
-------------------------------	--

V. Các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục

1. Các hoạt động giáo dục:

1.1. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hởi, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

1.2. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

1.3. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

1.4. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

1.5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hàng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục:

2.1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

2.2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

2.3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

3. Phương pháp giáo dục:

3.1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

3.2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

3.3. Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

3.4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

3.5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn,

sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

VI. Đánh giá sự phát triển của trẻ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

1. Đánh giá trẻ hàng ngày:

1.1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

1.2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

1.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn:

2.1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

2.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

2.4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

B. CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ MẪU GIÁO

I. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*
- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.
- + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

+ ***Chỉ tiêu phấn đấu:***

- Phối kết hợp tổ nuôi dưỡng xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa đảm bảo chất dinh dưỡng, đủ khẩu phần ăn của một trẻ/ngày.

- 100 % trẻ ăn bán trú tại trường;

- 100 % trẻ có nề nếp trong ăn uống, được uống đủ nước, uống nước đun sôi để nguội khi thời tiết nóng nắng và ủ nhiệt độ ấm khi thời tiết lạnh.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

+ ***Chỉ tiêu phấn đấu:***

- 100% Trẻ ngủ trên giát giường, trang bị thêm quạt, điều hòa, chiếu chăn đảm bảo chống nóng, chống rét cho trẻ.

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

+ ***Chỉ tiêu phấn đấu:***

- 100% trẻ được trang bị đầy đủ đồ dùng cá nhân và có ký hiệu riêng cho từng trẻ.

- 100% các nhóm lớp thực hiện vệ sinh trong và ngoài lớp học thường xuyên.
- 100% các nhóm lớp thực hiện phân loại rác thải đúng quy định.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

+ Chỉ tiêu phần đầu:

- 100% trẻ có sổ sức khỏe và được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm, cân, đo theo dõi sức khỏe của trẻ bằng biểu đồ cân nặng, chiều cao 3 tháng một lần.
- Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 2%, phòng chống béo phì.
- 100% các nhóm lớp thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc, nuôi dưỡng bảo đảm an toàn cho trẻ mọi lúc, mọi nơi.

II. Giáo dục:

1. Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động:

1.1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.
- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.
- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.
- Khu phát triển thể chất.

1.2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

2. Chương trình giáo dục:

Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp 100% trẻ em từ 3 đến 6 tuổi trong nhà trường phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

*** Phát triển thể chất**

+ Mục tiêu:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
 - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
 - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
 - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
 - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
 - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

+ Chỉ tiêu phân đầu

- 98-99% trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- 100% trẻ có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

- 100% trẻ thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

- 100% trẻ có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- 100% trẻ có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- 100% trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.

- 100% trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

*** Phát triển nhận thức**

+ Mục tiêu:

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

+ **Chỉ tiêu phân đầu:**

- 100% trẻ ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- 100% trẻ có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- 100% trẻ có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- 100% trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- 100% trẻ có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

* **Phát triển ngôn ngữ**

+ **Mục tiêu:**

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.
- 100% trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- 100% trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- 100% trẻ diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- 100% trẻ có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- 100% trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- 100% trẻ có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

* **Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội**

+ **Mục tiêu:**

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

+ Chỉ tiêu phân đầu:

- 100% trẻ có ý thức về bản thân.
- 100% trẻ có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- 100% trẻ có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- 100% trẻ có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- 100% trẻ thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

*** Phát triển thẩm mỹ**

+ Mục tiêu:

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

+ Chỉ tiêu phân đầu:

- 100% trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- 100% trẻ có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- 100% trẻ yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

III. Kế hoạch thực hiện chương trình

1. Phân phối thời gian:

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong trường Mầm non Đức Hợp. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của nhà trường.

+ Học kỳ I bắt đầu từ ngày 06/9/2024, kết thúc trước ngày 18/01/2025

+ Hoàn thành chương trình giáo dục học kỳ II và kết thúc năm học trước ngày 31/5/2025.

- Quy định số tuần học:

+ Nhà trường xây dựng 35 tuần thực học (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần).

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chế độ sinh hoạt:

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở cơ sở giáo dục mầm non một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nề nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

3. Giáo dục:

3.1. Giáo dục phát triển thể chất

Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

a) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.
- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

3.2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.

- So sánh, sắp xếp theo quy tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

c) Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

3.3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.

- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.
- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.

- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.
- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

c) Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.
- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.
- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

3.4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

a) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

b) Phát triển kỹ năng xã hội

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Quan tâm bảo vệ môi trường.

3.5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

a) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

b) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

c) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

IV. MỤC TIÊU GIÁO DỤC:

* *Dự kiến chủ đề, thời gian thực hiện:*

+ *Khối 3 tuổi*

TT	Tên chủ đề	Chủ đề nhánh	Các sự kiện	Tuần	TGTH
1	Trường mầm non (3 tuần)	Rèn nề nếp	Khai giảng Tết trung thu		2/9 - 6/9/2024
		Trường mầm non của bé		1	9/9 - 13/9/2024
		Cô giáo và các bạn		2	16/9 - 20/9/2024
		Tết trung thu		3	23/9 - 27/9/2024
2	Bản thân (4 tuần)	Tôi là ai	15/10 và 20/10	4	30/9 - 4/10/2024
		Các giác quan trên cơ thể bé		5	7/10 - 11/10/2024
		Cơ thể bé		6	14/10 - 18/10/2024
		Tôi cần gì lớn lên và khỏe mạnh.		7	21/10 - 25/10/2024
3	Gia đình (4 tuần)	Ai cũng yêu bé	Ngày nhà giáo VN 20/11	8	28/10 - 01/11/2024
		Ngôi nhà thân yêu		9	4/11 - 8/11/2024
		Bé yêu cô giáo		10	11/11 - 15/11/2024
		Nhu cầu của gia đình bé		11	18/11 - 22/11/2024
4	Nghề nghiệp (5 tuần)	Bác nông dân	Ngày QPTD 22/12	12	25/11/2024 - 29/11/2024
		Cô bán hàng		13	2/12 - 6/12/2024
		Bác sĩ		14	9/12 - 13/12/2024
		Chú bộ đội		15	16/12 - 20/12/2024
		Chú công nhân xây dựng		16	23/12 - 27/12/2024
5	Thế giới thực vật (5 tuần)	Vườn cây nhà bé	Tết nguyên đán	17	30/12/2024 - 3/1/2025
		Một số loại hoa.		18	6/01 - 10/01/2025
		Một số loại rau củ, quả.		19	13/01 - 17/01/2025

		Tết và mùa xuân.		20	20/01 - 24/01/2025
		Nghỉ Tết nguyên đán			(27/1 - 2/2/2025)
		Một số loại cây lương thực.		21	03/02 - 7/2/2025
6	Thế giới động vật (4 tuần)	Nhóm gia cầm		22	10/2/2025 - 14/2/2025
		Nhóm gia súc		23	17/2 - 21/2/2025
		Động vật sống trong rừng		24	24/2 - 28/02/2025
		Động vật sống dưới nước		25	3/3 - 7/3/2025
7	Giao thông (4 tuần)	Các phương tiện giao thông đường bộ.		26	10/3 - 14/3/2025
		Bé đi tàu hỏa		27	17/3 - 21/3/2025
		Luật giao thông phổ biến.		28	24/3 - 28/3/2025
		Con đường đến trường.		29	31/3 - 4/4/2025
8	Nước và HTTN (2 tuần)	Sự kì diệu của nước		30	7/4 - 11/4/2025
		Mùa hè tuyết vời		31	14/4 - 18/4/2025
9	Quê hương Đất nước Bác Hồ Tết thiếu nhi (4 tuần)	Quê hương diệu kì	Sinh nhật Bác, Tổng kết năm học. Tết 1/6	32	21/4 - 25/4/2025
		Thủ Đô Hà Nội		33	28/4 - 2/5/2025
		Bác Hồ với thiếu nhi		34	5/5 - 9/5/2025
		Kịch bản “Tết thiếu nhi 1- 6”		35	12/5 - 16/5/2025
		Tổng		35 T	

* **Khối 4 tuổi**

TT	Tên chủ đề	Chủ đề nhánh	Các sự kiện	Tuần	TGTH
1	Trường mầm non (4 tuần)	Rèn nề nếp	Khai giảng		2/9 - 6/9/2024
		Trường mầm non của bé	Tết trung	1	9/9 - 13/9/2024
		Vui Tết trung thu		2	16/9 - 20/9/2024

		Cô giáo và các bạn	thu	3	23/9 - 27/9/2024
		Lớp mình có nhiều đồ chơi		4	30/9 - 4/10/2024
2	Bé ngoan (4 tuần)	Tôi là ai	15/10 và 20/10	5	7/10 - 11/10/2024
		Các giác quan trên cơ thể bé		6	14/10 - 18/10/2024
		Cơ thể bé		7	21/10 - 25/10/2024
		Tìm hiểu 4 nhóm thực phẩm		8	28/10 - 01/11/2024
3	Gia đình (4 tuần)	Ai cũng yêu bé	Ngày nhà giáo VN 20/11	9	4/11 - 8/11/2024
		Ngôi nhà thân yêu		10	11/11 - 15/11/2024
		Bé yêu cô giáo		11	18/11 - 22/11/2024
		Nhu cầu của gia đình bé		12	25/11/2024 - 29/11/2024
4	Nghề nghiệp (4 tuần)	Làm quen công việc nghề sản xuất, dịch vụ	Ngày QĐNDVN 22/12	13	2/12 - 6/12/2024
		Chú công nhân xây dựng		14	9/12 - 13/12/2024
		Chú bộ đội, công an		15	16/12 - 20/12/2024
		Bác sỹ		16	23/12 - 27/12/2024
5	Thế giới thực vật (5 tuần)	Cây xanh và môi trường sống	Tết nguyên đán	17	30/12/2024 - 3/1/2025
		Một số loại hoa		18	6/01 - 10/01/2025
		Một số loại rau, củ, quả		19	13/01 - 17/01/2025
		Tết và mùa xuân		20	20/01 - 24/01/2025
		Nghỉ Tết Nguyên đán			(27/1 - 2/2/2025)
		Một số cây lương thực		21	03/02 - 7/2/2025
6	Thế giới động vật (4 tuần)	Nhóm gia cầm		22	10/2/2025 - 14/2/2025
		Nhóm gia súc		23	17/2 - 21/2/2025
		Động vật sống trong rừng		24	24/2 - 28/2/2025

		Động vật sống dưới nước	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3	25	3/3 - 7/3/2025
7	Giao thông (4 tuần)	Các phương tiện giao thông đường bộ		26	10/3 - 14/3/2025
		Bé đi tàu hỏa		27	17/3 - 21/3/2025
		Luật giao thông phổ biến		28	24/3 - 28/3/2025
		Một số biển báo giao thông		29	31/3 - 4/4/2025
8	Nước và HTTN (2 tuần)	Sự kì diệu của nước		30	7/4 - 11/4/2025
		Mùa hè tuyết với		31	14/4 - 18/4/2025
9	Quê hương Đất nước Bác Hồ Tết thiếu nhi (4 tuần)	Quê hương tươi đẹp	Sinh nhật Bác, tổng kết năm học. tết thiếu nhi 1/6	32	21/4 - 25/4/2025
		Đất nước diệu kì		33	28/4 - 2/5/2025
		Bác Hồ với thiếu niên nhi đồng		34	5/5 - 9/5/2025
		Tết thiếu nhi 1- 6		35	12/5 - 16/5/2025
		Tổng		35T	

* **Khối 5 tuổi**

TT	Tên chủ đề	Chủ đề nhánh	Các sự kiện	Tuần	TGTH
1	Trường mầm non (4 tuần)	Trường mầm non của bé	Khai giảng Tết trung thu	1	9/9 - 13/9/2024
		Vui tết trung thu		2	16/9 - 20/9/2024
		Cô giáo và các bạn		3	23/9 - 27/9/2024
		Lớp mình có nhiều đồ chơi.		4	30/09 - 4/10/2024
2	Bản thân (4 tuần)	Tôi là ai?	15/10 và 20/10	5	7/10 - 11/10/2024
		Các giác quan trên cơ thể		6	14/10 - 18/10/2024
		Cơ thể tôi		7	21/10 - 25/10/2024
		Tôi cần gì.... khoẻ mạnh		8	28/10 - 1/11/2024
3	Ngôi nhà thân yêu của bé	Gia đình bé	Ngày nhà giáo VN 20/11	9	4/11 - 8/11/2024
		Ngôi nhà của bé		10	11/11 - 15/11/2024
		Bé yêu cô giáo		11	18/11 - 22/11/2024

	(4 tuần)				
		Đồ dùng gia đình		12	25/11 - 29/11/2024
4	Một số nghề (4 tuần)	Bác nông dân	Ngày QPTD 22/12	13	2/12 - 6/12/2024
		Cô bán hàng		14	9/12 - 13/12/2024
		Chú cảnh sát (giúp đỡ cộng đồng)		15	16/12 - 20/12/2024
		Nghề truyền thống ở địa phương.		16	23/12 - 27/12/2024
5	Thế giới thực vật (5 tuần)	Cây xanh và môi trường sống	Tết nguyên đán	21	30/12 - 3/1/2025
		Một số loại rau, củ, quả		22	6/1 - 10/1/2025
		Một số loại hoa		23	13/1 - 17/1/2025
		Tết nguyên đán (Nghỉ Tết nguyên đán)		24	20/1 - 24/1/2025 (27/1 => hết 2/2/2025 DL)
		Một số cây lương thực		25	3/2 - 7/2/2025
6	Những con vật yêu thích (4 tuần)	Con vật nuôi trong GD		17	10/2 - 14/2/2025
		Động vật sống trong rừng		18	17/2 - 21/2/2025
		Động vật sống dưới nước		19	24/2 - 28/2/2025
		Côn trùng		20	3/3 - 7/3/2025
7	Giao thông (4 tuần)	Các phương tiện GT	Quốc tế phụ nữ 8/3	26	10/3 - 14/3/2025
		Các phương tiện GT		27	17/3 - 21/3/2025
		Luật giao thông phổ biến		28	24/3 - 28/3/2025
		1 số biển báo giao thông		29	31/3 - 4/4/2025
8	Nước và HTTN (2 tuần)	Nước		30	7/4 - 11/4/2025
		Các mùa trong năm		31	14/4 - 18/4/2025
9	Quê Hương Bác Hồ Trường tiểu học (4 tuần)	Quê hương của em	Sinh nhật Bác, Tổng kết năm học. Tết 1/6	32	21/4 - 25/4/2025
		Đất nước diệu kỳ		33	28/4 - 2/5/2025
		Trường tiểu học		34	05/5 - 9/5/2025
		Bác Hồ kính yêu		35	12/5 - 16/5/2005
Tổng				35	

* Dự kiến các mục tiêu các chủ đề và thời gian thực hiện

+ Khối 3 tuổi:

	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các mục tiêu				
				LV PT TC	LVPT NT	LVPT NN	LVPT TCXH	LVPT TM
1	Trường MN	3T	9/9/2024 27/9/2024	1, 2, 5, 6, 7,8	26, 28, 29, 30, 31,32, 33, 34, 40, 42	44, 46, 47, 51, 53	63, 68	73, 75, 77, 76, 78, 79, 83
2	Bản thân	4T	30/9/2024 25/10/2024	1, 2, 5, 6, 9, 10, 11,	21, 34, 36, 37.	46, 51, 52, 53, 54	59, 60	74, 75, 76, 77, 78, 81, 82, 83. 85
3	Gia đình	4T	28/10/2024 22/11/2024	1, 3, 4, 5, 6, 12	24, 26, 29, 30, 31, 32, 34, 38, 39, 42	46, 51, 53, 57	67, 70	75, 76, 77, 78, 79, 80,82, 83, 86
4	Nghề nghiệp	5T	25/11/2024 27/12/2024	1, 3, 4, 6, 13	33, 34, 35, 41, 42	46, 51, 53, 56	62, 69	75, 76, 77, 78, 79, 81, 83, 84
5	TGTV	5T	30/12/2024 7/02/2025	1, 3, 4, 6, 15	20, 22, 24, 29, 30, 31, 32, 33, 34,35, 42	45, 46, 48, 51, 53	60, 64	75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 86
6	TGDV	4T	10/02/2025 7/03/2025	1, 2, 3, 4, 14	24, 25, 29, 30, 31,32	46, 49, 51, 52, 53	71, 72	75, 76, 77, 78, 79, 81,82, 83
7	PTGT	4T	10/3/2025 04/4/2025	1, 3, 6, 16	20, 24, 26, ,33, 34, 35	46, 51, 53, 58	61, 64	75, 76, 77, 78, 79, 81, 82, 83
8	HTTN	2T	7/4/2025 18/4/2025	1, 5, 6, 17	20, 22, 27, 28,36	46, 51, 53, 55	70	75, 76, 77, 78, 79, 83
9	QHĐN BH -TTH	4T	21/4/2025 16/5/2025	1, 2, 5, 6, 18, 19	23, 28, 29, 34, 42,43	46, 50, 51, 53,	65, 66	75, 76, 77, 78, 79, 80,82, 83,86

+ Khối 4 tuổi:

	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các mục tiêu					Điều chỉnh và thực hiện
				LV PT TC	LVPT NT	LVPT NN	LVPT TCXH	LVPT TM	
1	Trường MN	4T	9/9/2024 4/10/2024	1, 2, 3, 5, 6, 7, 12, 13, 17	23, 28, 29, 30, 33, 35, 37, 45, 46, 47, 49	51, 58, 60, 61, 63, 65, 66, 67	70, 71, 76, 77, 78	82, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 92	
2	Bản thân	4T	7/10/2024 1/11/2024	1, 3, 4, 5, 7, 9, 10, 11, 13, 17	20, 28, 29, 30, 33, 37, 40, 42, 47	51, 57, 58, 59, 60, 65, 66, 67	68, 69, 72	81, 82, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92	
3	Gia đình	4T	4/11/2024 9/11/2024	1, 2, 3, 4, 5, 7, 11, 12, 15, 17, 18	26, 28, 29, 30, 33, 34, 37, 43, 44, 49	53, 57, 58, 59, 60, 67	68, 76, 79	83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 92, 93	
4	Nghề nghiệp	4T	2/12/2024 27/12/2024 4	1, 3, 4, 5, 7	29, 30, 33, 36, 38, 48, 49	53, 54, 58, 60, 67	76	84, 85, 87, 89, 92, 93	
5	TGTV	5T	30/12/2024 7/02/2025	1, 2, 4, 5, 7, 8	19, 22, 23 25, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35	53, 55, 58, 60, 67	80	84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93	
6	TGDV	4T	10/02/2025 7/03/2025	1, 3, 4, 5, 7, 8, 13, 17	19, 22, 23, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 40, 49	52, 58, 60, 67	73, 80	84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 92, 93	
7	PTGT	4T	10/3/2025 04/4/2025	1, 3, 4, 5, 7	20, 26, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 38, 40	56, 58, 60, 62, 66, 67	73, 76	83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 92, 93	
8	HTTN	2T	7/4/2025 18/4/2025	1, 5, 7, 14, 16, 18	19, 21, 24, 37, 41	58, 59, 60, 64, 67	72, 79, 80	82, 84, 85, 86, 87, 89, 92, 93	
9	QHĐN BH - TTH	4T	21/4/2025 16/5/2025	1, 3, 5, 7	29, 30, 32, 35, 39, 49, 50	53, 58, 60, 67	74, 75	84, 85, 86, 87, 88, 90, 92, 93	

+ Khối 5 tuổi:

TT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các mục tiêu					Điều chỉnh và thực hiện
				LV PT TC	LVPT NT	LVPT NNGT	LVPT TCXH	LVPT TM	
1	Trường MN	4T	09/09/2024-04/10/2024	1, 2, 3, 5, 7, 8, 12, 14, 20	25, 30, 31, 32, 33, 34, 47, 48, 49, 51	55, 57, 60, 63, 64, 66, 68, 69, 70	75, 84, 85, 86	95, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 105	
2	Bản thân	4T	07/09/2024-01/11/2024	1, 2, 4, 5, 6, 9, 10, 11	22, 37, 40, 42, 44,	54, 55, 60, 61, 65, 66, 69, 70	73, 78, 86, 91	95, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 105	
3	Gia đình	4T	04/11/2024-29/11/2024	1, 2, 3, 5, 6, 13, 16	25, 31, 32, 34, 41, 45, 46, 51	55, 56, 59, 60, 61, 65, 69, 70	71, 74, 75, 84, 93	95, 97, 98, 100, 101, 102, 103, 104, 105	
4	Nghề nghiệp	4T	2/12/2024-27/12/2024	1, 2, 4, 5	25, 27, 31, 32, 38, 39, 40, 50, 51	55, 60, 61, 69, 70	72, 76, 87	95, 96, 97, 98, 100, 101, 102, 103	
5	TGTV	5T	30/12/2024-07/02/2025	1, 2, 4, 6	23, 28, 31, 32, 33, 34, 51	53, 55, 58, 60, 61, 69, 70	79, 90	94, 95, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103	
6	TGĐV	4T	10/02/2025-07/03/2025	1, 4, 5, 6, 14, 18	28, 29, 31, 32, 34, 35, 40	53, 55, 60, 61, 62, 69, 70	77, 88, 90	95, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103	
7	PTGT	4T	10/3/2025-04/04/2025	1, 2, 3, 4, 15	28, 36, 37, 42, 51	53, 55, 60, 61, 68, 69, 70	80, 92	95, 97, 98, 100, 101, 102, 103	
8	HTTN	2T	07/04/2025-18/4/2025	1, 2, 5, 17, 19	21, 23, 26, 29, 40, 43	55, 60, 61, 64, 67, 69, 70	89, 93	95, 97, 98, 100, 102, 103, 106	
9	QHĐN BH - TTH	4T	21/4/2025-16/5/2025	1, 3, 5, 6	24, 31, 32, 34, 38, 39, 51, 52	55, 60, 61, 62, 67, 69, 70	81, 82, 83	95, 97, 98, 100, 102, 103, 106	

* Mục tiêu, nội dung giáo dục:

* *Khối 3 tuổi:*

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT.	
1. Phát triển vận động	
<i>a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ hô hấp.</i>	
- MT1: Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Thể dục buổi sáng. - Thể dục phát triển vận động (Tại phần bài tập phát triển chung) - Hô hấp: Hít vào, thở ra, thổi nơ - Tay: Đưa 2 tay ra trước, lên cao - Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, phía trên, phía dưới) - Lưng, bụng, lườn. + Cúi về phía trước. + Nghiêng người bên trái, bên phải. + Quay sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
<i>b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động.</i>	
- MT2: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m); Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi trong đường hẹp. - Đi theo hiệu lệnh tay chống hông. - Đi kiễng gót
- MT3: Trẻ kiểm soát được vận động khi: Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. Chạy liên tục trong đường đích dắc (3- 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc. - Chạy 15m theo hướng thẳng;
- MT4: Trẻ phối hợp tay – mắt trong vận động: Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm).	- Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.
- MT5: Trẻ biết bật tại chỗ, bật xa 2-25cm, bật về phía trước.	- Bật - nhảy: + Bật tại chỗ.

	<ul style="list-style-type: none"> + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm.
- MT6: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5m). Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn, trèo: + Ném xa bằng một tay; + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm).
<i>c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp -tay mắt.</i>	
- MT7: Trẻ thực hiện được các vận động: Xoay tròn cổ tay. Gập, đan ngón tay vào nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan tết
- MT8: Trẻ phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ được hình tròn theo mẫu; Cắt thẳng được một đoạn 10cm; Xếp chồng 8 – 10 khối không đổ; Tự cài, cởi cúc.	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp chồng các hình khối khác nhau Xé, dán giấy Sử dụng kéo, bút - Tô vẽ nguệch ngoạc - Cài, cởi cúc. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.	
<i>a. Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.</i>	
- MT9: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.
- MT10: Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
- MT11: Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết sự liên qua giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
<i>b. Thực hiện 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>	
- MT12: Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: Rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần, áo...	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
- MT13: Trẻ sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Sử dụng đồ dùng, phục vụ ăn uống thành thạo như (bát, thìa, cốc..)

	<ul style="list-style-type: none"> - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không đổ thức ăn. - Tập một số kỹ năng tốt về việc sử dụng đồ dùng.
3. Có 1 số hành vi tốt và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
<ul style="list-style-type: none"> - MT14: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi... 	<ul style="list-style-type: none"> - Mời cô và mời bạn khi ăn, ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
<ul style="list-style-type: none"> - MT15: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Vệ sinh răng miệng sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Che miệng khi ho hắt hơi - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định - Không nhổ bọt ra lớp
<ul style="list-style-type: none"> - MT16: Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau chảy máu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Nói với người lớn khi bị đau chảy máu hoặc sốt.
4. Biết 1 số nguy cơ không an toàn phòng tránh.	
<ul style="list-style-type: none"> - MT17: Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết phòng tránh những vật nguy hiểm không an toàn leo trèo cây, ban công, tường rào, bếp đang nấu, bàn là, vật sắc nhọn... - Biết được 1 số tác hại thông thường của thuốc lá... - Thể hiện thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá bằng hành động...
<ul style="list-style-type: none"> - MT18: Trẻ biết tránh nơi nguy 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết phòng tránh những nơi không an toàn

hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	như. Ao, hồ, cầu.. Nếu gần ảnh hưởng đến tính mạng con người.
<ul style="list-style-type: none"> - MT19: Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc... - Biết không: Ăn thức ăn có mùi ôi ăn lá quả lạ dễ bị ngộ độc không tốt cho sức khỏe. - Biết không tự lấy thuốc uống. Không leo trèo bàn, ghế, lan can. Không nghịch các vật sắc nhọn. Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.

II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC.

1. Khám phá khoa học.

a. Xem xét tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.

<ul style="list-style-type: none"> - MT20: Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật cây gần gũi. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.
<ul style="list-style-type: none"> - MT21: Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể
<ul style="list-style-type: none"> - MT22: Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các 	<ul style="list-style-type: none"> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Thử nghiệm gieo hạt, trồng cây được

<p>vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p>	<p>tươi nước và không tươi nước, theo dõi và so sánh sự phát triển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thử nghiệm về 1 số vật chìm, nổi được trong nước...
<ul style="list-style-type: none"> - MT23: Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xem tranh ảnh, đàm thoại quê hương, đất nước, Bác Hồ....
<ul style="list-style-type: none"> - MT24: Trẻ phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại đồ dùng gia đình theo đặc điểm chất liệu, tác dụng, phân loại 1 số loại rau củ quả, phân loại 1 số phương tiện giao thông, phân loại 1 số động vật, phân loại đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đối tượng theo các dấu hiệu khác nhau
<p><i>b. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> - MT25: Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.
<p><i>c. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> - MT26: Trẻ mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. - MT27: Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật của trường, lớp mẫu giáo - Công việc của các cô, bác trong trường. - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi trong lớp. - Hát các bài hát về mưa, bầu trời, trái đất... - Vẽ, xé, nặn mây, mưa, bầu trời... - 1 số hiện tượng thời tiết theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt con người con vật và cây theo mùa.
<p>2. Làm quen 1 số khái niệm sơ đẳng về toán <i>a. Nhận biết số đếm và số lượng</i></p>	

- MT28: Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Nhận biết số lượng và đếm. - Nhận biết 1 và nhiều - Đếm theo khả năng
- MT29: Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
- MT30: Trẻ so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh về số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 - Sử dụng đúng các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
- MT31: Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong pvi 5.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 5.
- MT32: Trẻ tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	- Tách 1 nhóm thành 2 nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau.
<i>b. Sắp xếp theo quy tắc.</i>	
- MT33: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng - 1. - Ghép đôi. - Xếp xen kẽ.
<i>c. So sánh 2 đối tượng</i>	
- MT34: Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh to - nhỏ 2 đối tượng về kích thước. - So sánh cao - thấp 2 đối tượng về kích thước. - So sánh dài - ngắn 2 đối tượng về kích thước.
<i>d. Nhận biết hình dạng</i>	
- MT35: Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế - Sử dụng các hình hình học để chắp ghép.
<i>e. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</i>	
- MT36: Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
3. Khám phá xã hội.	
<i>a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.</i>	

<p>- MT37: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Họ tên, tuổi, giới tính, sở thích của bản thân trẻ. - Hòa đồng với bạn bè ở các môi trường khác nhau.</p>
<p>- MT38: Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.</p>	<p>- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.</p>
<p>- MT39: Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p>	<p>- Biết địa chỉ gia đình mình, thôn xóm.</p>
<p>- MT40: Trẻ nói được tên trường, lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.</p>
<p><i>b. Nhận biết 1 số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.</i></p>	
<p>- MT41: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.</p>	<p>- Kể được tên một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. - Kể được tên gọi, một số công cụ làm nghề và sản phẩm, ích lợi của một số nghề phổ biến. - Kể hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về một số điểm vui chơi công cộng/ công viên/ trường học/ nơi mua sắm/ nơi khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến gần của trẻ.</p>
<p><i>c. Nhận biết 1 số lễ hội và danh lam thắng cảnh.</i></p>	
<p>- MT42: Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.</p>	<p>- Biết được ngày hội ngày lễ của địa phương - Ngày quốc khánh 2/9. - Ngày hội đến trường của bé. - Ngày tết trung thu. - Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11. - Ngày thành lập quân đội nhân dân VN 22/12 - Ngày tết cổ truyền. - Ngày quốc tế phụ nữ 8/3. - Ngày 19/5 Sinh nhật Bác. - Ngày tết thiếu nhi 1/6.</p>

- MT43: Trẻ kể tên 1 vài danh lam thắng cảnh, ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày hội, ngày lễ của địa phương.
III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP.	
1. Nghe hiểu lời nói.	
- MT44: Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
- MT45: Trẻ hiểu nghĩa của từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.
- MT46: Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.	
- MT47: Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.
- MT48: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Nói về sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
- M49: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?
- MT50: Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.
- MT51: Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
- MT52: Trẻ kể lại được truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc.
- MT53: Trẻ bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của cô giáo.

- MT54: Trẻ sử dụng các từ: “Vâng ạ”, “ạ”, “thưa”... trong giao tiếp.	- Biết (cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa ạ...) - Khi được người khác hỏi trò chuyện
- MT55: Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
3. Làm quen với việc đọc và viết	
- MT56: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,..) - Tiếp xúc với chữ, sách truyện.
- MT57: Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
- MT58: Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.
IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM XÃ HỘI	
1. Thể hiện ý thức về bản thân	
- MT59: Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân.	- Biết được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân.
- MT60: Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.
2. Thể hiện sự tự tin tự lực.	
- MT61: Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Thực hiện công việc được giao (chia đồ dùng học tập, xếp dọn đồ chơi...) - Mạnh dạn tự tin trả lời câu hỏi.
- MT62: Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...).	- Phối hợp cùng với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ, không xảy ra mâu thuẫn.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh.	

<p>- MT63: Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.</p>	<p>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu, lời nói của các nhân vật trong các câu truyện (VD: Đôi bạn tốt, Gấu con bị đau răng, Bác gấu đen và hai chú thỏ...)</p>
<p>- MT64: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận.</p>	<p>- Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.</p>
<p>- MT65: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.</p>	<p>- Kính yêu Bác Hồ.</p>
<p>- MT66: Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.</p>	<p>- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ lắng Bác Hồ. - Kể chuyện, hát, đọc thơ về Bác.</p>
<p>4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.</p>	
<p>- MT67: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. - MT68: Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở... - MT69: Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói. - MT70: Trẻ cùng chơi với bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.</p>	<p>- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Chờ đến lượt. - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Lắng nghe người khác nói. - Chơi hoà thuận với bạn. - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.</p>
<p>5. Quan tâm đến môi trường</p>	
<p>- MT71: Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. - MT72: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.</p>	<p>- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước.</p>

V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ.

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.

- MT73: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
- MT74: Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Thích được hát, đọc thơ, ca dao, đồng dao... - Thích được nghe kể chuyện.

2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

- MT75: Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.
- MT76: Trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
- MT77: Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
- MT78: Trẻ biết tô màu một số hình đơn giản để tạo thành bức tranh.	- Sử dụng một số kỹ năng tô liền nét, tô gọn, tô mịn trong bức tranh. Tô từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong.
- MT79: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ: nét thẳng, xiên, ngang... để tạo ra sản phẩm đơn giản.
- MT80: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán: Xé theo dải, xé vụn và dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.
- MT81: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn: Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt để tạo ra sản phẩm đơn giản.

- MT82: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình: Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách để tạo ra sản phẩm đơn giản.
- MT83: Trẻ nhận xét và đặt tên cho các sản phẩm tạo hình của mình.	- Nhận xét và đặt tên cho sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét, bố cục .
- MT84: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật tạo hình.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).	
- MT85: Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
- MT86: Trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.

*** Khối 4 tuổi:**

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1. Phát triển vận động	
<i>a. Thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.</i>	
- MT1: Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	<ul style="list-style-type: none"> * Thể dục buổi sáng. * Thể dục phát triển vận động. (Tại phần tập bài tập phát triển chung). - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lung, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân:

	<ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
<i>b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động</i>	
<p>- MT2: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Bước đi liên tục trên ghế TD hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn; Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.</p> <p>- MT3: Trẻ kiểm soát được vận động khi: Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc).</p> <p>- MT4: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m); Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m); Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.</p> <p>- MT5: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây; Ném trúng đích nằm ngang (xa 2m); Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Chạy theo hướng thẳng. - Chạy chậm 60 - 80cm. - Chạy 15m trong khoản 10 giây. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập bắt bóng tại chỗ. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp. - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay. - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Bật liên tục về phía trước. - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 – 35cm) - Bật qua vật cản 10 -15cm. - Nhảy lò cò 3m. - Trẻ biết ném trúng đích ngang (Xa 2m) - Bò bằng bàn tay, bàn chân 3 - 4 m. - Bò đích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo lên, xuống 5 gióng thang. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.
<i>c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt.</i>	
- MT6: Trẻ thực hiện được các vận	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè,

động: Cuộn - xoay tròn cổ tay; Gập, mở các ngón tay.	véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn nổi...
- MT7: Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động: Vẽ hình người, nhà, cây; Cắt thành thạo theo đường thẳng; Xây dựng lắp ráp với 10 – 12 khối; Biết tết sợi đôi; Tự cài cởi cúc buộc dây giày.	- Gập giấy - Lắp ghép hình - Xé cắt đường thẳng - Tô vẽ hình - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.	
<i>a. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.</i>	
- MT8: Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá... có nhiều chất đạm; Rau quả chín có nhiều Vitamin. - MT9: Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; Thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... - MT10: Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	+ Thịt, cá... có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin. + Ngô, khoai, sắn, mì có nhiều chất bột... + Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). + Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
<i>b. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>	
- MT11: Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng; Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - MT12: Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không đổ thức ăn.
<i>c. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>	
- MT13: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn;	+ Mời cô và bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kĩ. + Không ăn quả xanh, uống nước lã.

<p>ăn từ tốn, nhai kỹ; Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... Không uống nước lã.</p> <p>- MT14: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học; Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... Đi vệ sinh đúng nơi quy định, bỏ rác đúng nơi quy định.</p>	<p>+ Ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</p> <p>+ Giữ vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</p> <p>- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, đi giày khi đi học.</p> <p>- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.</p> <p>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>- Bỏ rác đúng nơi quy định.</p> <p>- Một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.</p>
<p><i>d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</i></p>	
<p>- MT15: Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không nên đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.</p> <p>- MT16: Trẻ nhận ra những nơi như ao, hồ, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.</p> <p>- MT17: Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không cưỡi đừa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... Không ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không được tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</p> <p>- MT18: Trẻ biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p> <p>- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>	<p>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</p> <p>- Nhận ra những nơi không an toàn, những nơi nguy hiểm ở xung quanh. (ao, hồ, mương nước, bể chứa nước..)</p> <p>- Biết và tránh những tác hại của việc cưỡi đừa trong ăn uống và khi ăn các loại quả có hạt.</p> <p>- Biết không nên ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ.</p> <p>- Không ra khỏi trường khi không được cô giáo cho phép.</p> <p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</p>

II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

1. Khám phá khoa học.

a. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.

- MT19: Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?... ..

- MT20: Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.

- MT21: Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.

- MT22: Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.

- MT23: Trẻ phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.

- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.

- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây cối.

- Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối.

- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.

- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.

- Đặc điểm, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi.

- Đặc điểm, công dụng của 1 số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.

- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.

- Một số đặc điểm, tính chất của nước.

- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.

- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.

- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.

- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.

- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.

- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi.

- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.

b. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn

<i>giản.</i>	
<ul style="list-style-type: none"> - MT24: Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn. - MT25: Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống.
<i>c. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</i>	
<ul style="list-style-type: none"> - MT26: Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. - MT27: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Vẽ, nặn, xé dán... - Hát, vận động minh họa,... - Chơi lắp ghép, xếp hình...
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.	
<i>a. Nhận biết số đếm, số lượng.</i>	
<ul style="list-style-type: none"> - MT28: Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?... - MT29: Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. - MT30: Trẻ so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - MT31. Trẻ gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. - MT32: Trẻ tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn. - MT33: Trẻ biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - So sánh về số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. - Nhận biết số từ 1 - 5.

- MT34: Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
<i>b. Sắp xếp theo quy tắc.</i>	
- MT35: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
<i>c. So sánh hai đối tượng</i>	
- MT36: Trẻ sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. - MT37: Trẻ biết so sánh 3 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To nhất, nhỏ nhất, cao nhất, thấp nhất.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo. - So sánh chiều cao của 3 đối tượng. - So sánh độ lớn của 3 đối tượng.
<i>d. Nhận biết hình dạng</i>	
- MT38: Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...).	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
- MT39: Trẻ sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
<i>e. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</i>	
- MT40: Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. - MT41: Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.
3. Khám phá xã hội.	
<i>a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp MN và cộng đồng</i>	
- MT42: Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - MT43: Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. - MT44: Trẻ nói địa chỉ của gia	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - Địa chỉ gia đình.

<p>đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>- MT45: Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>- MT46: Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>- MT47: Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Một số nhu cầu gia đình.</p> <p>- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</p> <p>- Tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường.</p> <p>- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</p>
<p><i>b. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.</i></p>	
<p>- MT48: Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.</p>
<p><i>c. Nhận biết một số lễ hội, danh lam thắng cảnh.</i></p>	
<p>- MT49: Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.</p> <p>- MT50: Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.</p>	<p>- Các ngày hội, ngày lễ: + Ngày quốc khánh. + Ngày hội đến trường của bé. + Ngày tết thiếu nhi 1/6. + Ngày tết trung thu. + Ngày 20/11. + Ngày 22/11 + Ngày tết cổ truyền của dân tộc...</p> <p>- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.</p>
<p>III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</p>	
<p>1. Nghe hiểu lời nói</p>	
<p>- MT51: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.</p> <p>- MT52: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ...</p>	<p>- Hiểu và làm theo được 2 - 3 yêu cầu.</p> <p>- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.</p>

- MT53: Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.

- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.

- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.

- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.

2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày.

- MT54: Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.

- Phát âm các tiếng có chứa âm khó.

- MT55: Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...

- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.

- MT56: Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.

- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.

- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?

- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.

- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.

- MT57: Trẻ kể lại sự việc theo trình tự.

- Kể lại truyện đã được nghe.

- MT58: Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...

- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự lễ phép.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.

- MT59: Trẻ kể chuyện có mở đầu, kết thúc.

- Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.

- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.

- MT60: Trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.

- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.

- Đóng kịch.

- MT61: Trẻ sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.

- Sử dụng các từ: Vâng ạ, dạ, thưa trong giao tiếp.

- Trẻ nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh khi giao tiếp.

- MT62: Trẻ điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.

- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh. Khi được nhắc nhở.

3. Làm quen với việc đọc – viết.

- MT63: Trẻ chọn sách để xem.

- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.

- MT64: Trẻ mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.

- “Đọc” truyện qua tranh vẽ.

- MT65: Trẻ cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh.

- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.

- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:

<p>“đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).</p> <p>- MT66: Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...</p> <p>- MT67: Trẻ nhận dạng chữ cái, trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...</p>	<p>+ Hướng đọc, viết, từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</p> <p>+ Hướng viết của các nét chữ : đọc ngắt nghỉ sau các dấu.</p> <p>- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.</p> <p>- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.</p> <p>- Giữ gìn, bảo vệ sách.</p> <p>- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)</p> <p>- Nhận dạng một số chữ cái.</p> <p>- Tập tô, tập đồ các nét chữ.</p>
--	--

IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG TÌNH CẢM – XÃ HỘI

1. Thể hiện ý thức của bản thân.

<p>- MT68: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.</p> <p>- MT69: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.</p>	<p>- Tên, tuổi, giới tính.</p> <p>- Sở thích, khả năng của bản thân.</p>
--	--

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực.

<p>- MT70: Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.</p> <p>- MT71: Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi).</p>	<p>- Biết sở thích, khả năng của bản thân.</p> <p>- Cố gắng hoàn thành công việc được giao.</p>
--	---

3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

<p>- MT72: Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.</p> <p>- MT73: Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.</p>	<p>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.</p> <p>- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.</p>
<p>- MT74: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.</p> <p>- MT75: Trẻ biết một vài cảnh đẹp,</p>	<p>- Kính yêu Bác Hồ.</p> <p>- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ</p>

lễ hội của quê hương, đất nước.	hội của quê hương, đất nước.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.	
<ul style="list-style-type: none"> - MT76: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ. - MT77: Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. - MT78: Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. - MT79: Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...) 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ, lễ phép. - Chờ đến lượt, hợp tác. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. - Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
5. Quan tâm đến môi trường	
<ul style="list-style-type: none"> - MT80: Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. Bỏ rác đúng nơi quy định. Không bẻ cành, bứt hoa. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
<ul style="list-style-type: none"> - MT81: Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. - MT82: Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. - MT83: Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. - Sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các sản phẩm tạo hình.

tạo hình.	
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.	
<ul style="list-style-type: none"> - MT84: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ... - MT85: Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa). - MT86: Trẻ phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. - MT87: Trẻ vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. - MT88: Trẻ xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. - MT89: Trẻ làm lốm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. - MT90: Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. - MT91: Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau. (nhạc thiếu nhi, dân ca) - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Phối hợp các nguyên liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. - Kỹ năng xé bìa, xé dải, cắt theo đường thẳng, theo đường cong - Kỹ năng nặn: Làm lốm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn uốn cong. - Cách xếp chồng, xếp cạnh, xếp liền kề... - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).	
<ul style="list-style-type: none"> - MT92: Trẻ lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. - MT93: Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

* **Khối 5 tuổi:**

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT.	
1. Phát triển vận động	
<i>a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ hô hấp.</i>	
<p>- MT1: Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.</p>	<p>- Thể dục buổi sáng. - Thể dục phát triển vận động (Tại phần bài tập phát triển chung) - Hô hấp: Hít vào, thở ra, thổi nơ - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lung, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.</p>
<i>b. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.</i>	
<p>- MT2: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi. - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.</p>	<p>- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Đi lồi bàn chân tiến lùi - Đi thăng bằng trên ghế thể dục. - Đi trên dây dẹt trên sàn - Đi bước dồn ngang trên ghế thể dục - Đi trên ván kê dốc</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Đi nổi bàn chân lên phía trước - Đi nổi gót phía sau
<ul style="list-style-type: none"> - MT3: Trẻ thực hiện được các kiểm soát vận động: Đi, chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (ít nhất 3 lần) 	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy theo đường zíc zắc - Đi chạy đổi hướng theo hiệu lệnh - Chạy 18m trong 10 giây - Chạy chậm 100 – 120m - Chạy nhanh 15m
<ul style="list-style-type: none"> - MT4: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp. 	<ul style="list-style-type: none"> + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.
<ul style="list-style-type: none"> - MT5: Trẻ biết thể hiện sự nhanh nhẹn, mạnh, khéo léo trong bài tập. (Tổng hợp) - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật tách chân, khếp chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm. + Nhảy lò cò 5m.
<ul style="list-style-type: none"> - MT6: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động bò, trườn, trèo: 	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay, chân 4-5m. - Bò zíc zắc qua 7 điểm. - Bò bằng bàn tay, căng chân chui qua cổng. - Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế thể dục - Trèo lên xuống 7 giống thang - Bò thấp chui qua cổng.
<p><i>c. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng 1 số đồ dùng, dụng cụ.</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> - MT7: Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bẻ, nắn. - Lắp ráp - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét.

	- Cài, cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây..
- MT8: Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:	- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya)

2. Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe.

a. Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

- MT9: Trẻ biết lựa chọn được 1 số thực phẩm khi được gọi tên theo nhóm:	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...
- MT10: Trẻ nói được tên 1 số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	- Làm quen với 1 số món ăn và dạng chế biến đơn giản: : rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
- MT11: Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh. Uống nhiều nước ngọt, nước ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết được các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất. - Nhận biết được sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật.

b. Thực hiện 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

- MT12: Trẻ thực hiện được 1 số việc đơn giản. - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để đúng nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.	- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để đúng nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội, giặt nước cho sạch.
- MT13: Trẻ sử dụng đồ dùng, phục vụ ăn uống thành thạo.	- Sử dụng đồ dùng, phục vụ ăn uống thành thạo như (bát, thìa, cốc..)

3. Có 1 số hành vi tốt và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe

- MT14: Trẻ có 1 số hành vi thói quen tốt trong ăn uống.	- Mời cô và mời bạn khi ăn, ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi
--	--

	<p>thức ăn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
- MT15: Trẻ có 1 số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau chảy máu hoặc sốt - Che miệng khi ho hắt hơi - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định - Không nhổ bậy ra lớp
4. Biết 1 số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.	
- MT16: Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần không nghịch các vật sắc nhọn.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết phòng tránh những vật nguy hiểm không an toàn leo trèo cây, ban công, tường rào, bếp đang nấu, bàn là, vật sắc nhọn... - Biết được 1 số tác hại thông thường của thuốc lá... - Thể hiện thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá bằng hành động...
- MT17: Trẻ biết những nơi như ao hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.	- Biết phòng tránh những nơi không an toàn như. Ao, hồ, cầu.. Nếu gần ảnh hưởng đến tính mạng con người.
- MT18: Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cười đùa trong khi ăn uống hoặc ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc - Biết không tự ý uống thuốc - Biết: Ăn thức ăn có mùi ôi ăn lá quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.
- MT19: Trẻ nhận biết được 1 số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống

	<p>nước ngọt, rủ đi chơi.</p> <p>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.</p> <p>- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</p>
- MT20: Trẻ thực hiện 1 số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	<p>- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi</p> <p>- Khi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.</p> <p>- Không leo trèo cây ban công, tường rào....</p>
<p>II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC.</p> <p>1. Khám phá khoa học.</p> <p><i>a. Xem xét tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng.</i></p>	
- MT21: Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa?”	- Tìm hiểu khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như câu hỏi: Tại sao có mưa? Tại sao có sấm?
- MT22: Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... Và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể
- MT23: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	- Thử nghiệm gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển.
- MT24: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình trò chuyện và thảo luận.	- Xem tranh ảnh, đàm thoại quê hương, đất nước, Bác Hồ....
- MT25: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	<p>- Phân loại đồ dùng gia đình theo đặc điểm chất liệu, tác dụng, phân loại 1 số loại rau củ quả, phân loại 1 số phương tiện giao thông, phân loại 1 số động vật, phân loại đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>- So sánh sự khác nhau của đồ dùng đồ</p>

	<p>chơi và sự đa dạng của chúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại đối tượng theo các dấu hiệu khác nhau
<p><i>b. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> - MT26: Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chú ý quan sát và đoán hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo (VD: Trời nhiều sao thì nắng to; chuồn chuồn bay thấp sẽ mưa...). - Làm thí nghiệm nước bốc hơi, nước đóng đá - 1 số đặc điểm tính chất của nước đất, đá, sỏi.
<ul style="list-style-type: none"> - MT27: Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số mối liên hệ đơn giản cấu tạo và cách sử dụng sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc
<p><i>c. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> - MT28: Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm sự khác nhau giống nhau của các đối tượng được quan sát. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số phương tiện giao thông. - Ích lợi của những phương tiện giao thông - Phân loại 1 số phương tiện giao thông theo 2 -3 dấu hiệu. - Một số con vật nuôi trong gia đình, sống trong rừng, dưới nước, côn trùng: Qua đặc điểm, tiếng kêu, nơi sống, ích lợi... - Phân loại một số con vật theo 2 – 3 dấu hiệu - Một số loại cây xanh, loại hoa, rau củ quả, cây lương thực: Qua đặc điểm, ích lợi - Phân loại: Một số loại cây xanh, loại hoa, rau củ quả, cây lương thực theo 2 – 3 dấu hiệu.
<ul style="list-style-type: none"> - MT29: Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, trường học, bệnh viện... - Mô phỏng vận động/di chuyển/dáng điệu các con vật. - Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, bầu trời, trái đất... - Vẽ, xé, nặn các con vật, mưa, bầu trời... - Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây...

	<ul style="list-style-type: none"> - 1 số hiện tượng thời tiết theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt con người con vật và cây theo mùa.
2. Làm quen 1 số khái niệm sơ đẳng về toán	
<i>a. Nhận biết số đếm, số lượng.</i>	
- MT30: Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: (Bao nhiêu? Đây là mấy?)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết số lượng và đếm. - Nhận biết 1 và nhiều - Đếm theo khả năng
- MT31: Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng
- MT32: Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh về số lượng 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 - Sử dụng đúng các từ: Bằng nhau, nhiều nhất, ít nhất.
- MT33: Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm	- Gộp các nhóm đối tượng và đếm
- MT34: Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.	- Tách 1 nhóm thành 2 nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau.
- MT35: Trẻ nhận biết được các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
- MT36: Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày: Số nhà, biển số xe...
<i>b. Sắp xếp theo quy tắc.</i>	
- MT37: Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan
- MT38: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh, phát hiện quy tắc, sắp xếp theo quy tắc - Quy tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại
- MT39: Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp...
<i>c. So sánh 2 đối tượng</i>	
- MT40: Trẻ sử dụng được 1 số dụng	- Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác

<p>cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.</p>	<p>nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật so sánh và diễn đạt kết quả đo - Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo - So sánh chiều cao của bản thân và 2 bạn
<p><i>d. Nhận biết hình dạng</i></p>	
<p>- MT41: Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa 2 khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích theo yêu cầu. - Tạo ra 1 số hình học bằng các cách khác nhau.
<p><i>e. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</i></p>	
<p>- MT42: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau: Phía trên - phía dưới: Phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ với bạn khác, với 1 vật nào đó làm chuẩn.
<p>- MT43: Trẻ biết gọi tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên các thứ trong tuần. - Nói được lịch, ngày trên lịch (đọc ghép số). - Nói được giờ chẵn trên đồng hồ, đồng hồ dùng để làm gì?
<p>3. Khám phá xã hội.</p>	
<p><i>a. Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</i></p>	
<p>- MT44: Trẻ nói đúng họ tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bạn, bản thân và vị trí của từng trẻ trong gia đình. - Nhận ra và chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình cả về ngoại hình, cơ thể, khả năng, sở thích, ngôn ngữ... - Tôn trọng mọi người, không giễu cợt người khác hoặc xa lánh người bị khuyết tật. - Hòa đồng với bạn bè ở các môi trường khác nhau.
<p>- MT45: Trẻ nói tên, tuổi, giới tính,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong gia đình nghề

<p>công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện xem ảnh về gia đình.</p>	<p>nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn) nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.</p>
<p>- MT46: Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm, số điện thoại (nếu có)...Khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Biết địa chỉ gia đình mình, thôn xóm, điện thoại của bố mẹ.</p>
<p>- MT47: Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả 1 số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non - Công việc các cô bác trong trường.</p>
<p>- MT48: Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Tên và công việc của các cô giáo, công nhân viên trong trường. - Các hoạt động của cô trong trường mầm non</p>
<p>- MT49: Trẻ biết nói họ tên và đặc điểm các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Nhận biết được một số khả năng của bạn bè, người gần gũi, VD: bạn Thanh vẽ rất đẹp; bạn Nam chạy rất nhanh; chú Hùng rất khỏe; mẹ nấu ăn rất ngon. - Nói được một số sở thích của bạn bè và người thân, VD: bạn Cường rất thích ăn cá, bạn Lan rất thích chơi búp bê, bố rất thích đọc sách...</p>
<p><i>b. Nhận biết 1 số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i></p>	
<p>- MT50: Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của 1 số nghề. Ví dụ: Nghề nông dân làm ra gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...</p>	<p>- Kể được tên một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. - Kể được một số công cụ làm nghề và sản phẩm của nghề: Tên gọi, công cụ, sản phẩm các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Kể hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về một số điểm vui chơi công cộng/ công viên/ trường học/ nơi mua sắm/ nơi khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến gần của trẻ (tên gọi, định hướng khu vực, không gian, hoạt động của con người và một số đặc điểm nổi bật khác).</p>
<p><i>c. Nhận biết 1 số lễ hội và danh lam thắng cảnh.</i></p>	

<p>- MT51: Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”</p>	<p>- Biết được ngày hội ngày lễ của địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày quốc khánh 2/9. - Ngày hội đèn trường của bé. - Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11. - Ngày tết trung thu. - Ngày tết cổ truyền. - Ngày quốc tế phụ nữ 8/3. - Ngày 19/5 Sinh nhật Bác. - Ngày tết thiếu nhi 1/6.
<p>- MT52: Trẻ biết kể tên và nêu 1 vài đặc điểm đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước.</p>	<p>- Đặc điểm nổi bật của 1 số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày hội, ngày lễ ...</p>
<p>III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP.</p>	
<p>1. Nghe hiểu lời nói.</p>	
<p>- MT53: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
<p>- MT54: Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể. Ví dụ: Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái.”</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và làm theo các yêu cầu liên tiếp trong hoạt động tập thể của người khác. - Trao đổi bằng lời nói để thống nhất các đề xuất trong cuộc chơi với các bạn - Hướng dẫn các bạn đang cố gắng giải quyết một vấn đề nào đó - Hợp tác trong qua trình HĐ, các ý kiến không áp đặt hoặc dùng vũ lực bắt bạn phải thực hiện theo ý mình.
<p>- MT55: Trẻ biết lắng nghe và nhận xét của người đối thoại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung chuyện kể, chuyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao câu đố , hò vè phù hợp với độ tuổi
<p>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.</p>	
<p>- MT56: Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. - Bày tỏ tình cảm nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn,

	<p>câu ghép khác nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì?
- MT57: Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
- MT58: Trẻ miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.	- Biết miêu tả sự vật, sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...
- MT59: Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng - Sử dụng đúng các danh từ, tính từ, động từ, từ biểu cảm trong câu nói phù hợp với tình huống trong giao tiếp.
- MT60: Trẻ đọc biểu cảm bài thơ đồng dao, ca dao.	- Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao....
- MT61: Trẻ biết kể có thay đổi 1 vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự - Kể chuyện theo đồ vật theo tranh - Kể lại sự việc theo trình tự
- MT62: Trẻ biết đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Biết đóng kịch.
- MT63: Trẻ biết sử dụng các từ (cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ....) phù hợp với tình huống.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết (cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ....) - Khi được người khác hỏi trò chuyện
- MT64: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Biết nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp. - Phát âm đúng, rõ ràng những điều muốn nói để người khác có thể hiểu được. - Sử dụng lời nói dễ dàng, thoải mái, nói với âm lượng vừa đủ trong giao tiếp
3. Làm quen với việc đọc và viết	
- MT65: Trẻ biết chọn sách “đọc” và xem.	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm xem và nghe đọc các loại sách khác nhau ở mọi lúc mọi nơi, làm quen với cách đọc tiếng việt. - Nhờ người lớn đọc những câu chuyện

	<p>trong sách cho nghe hoặc nhờ người lớn giải thích những tranh, những chữ chưa biết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thích mẹ cho đến cửa hàng bán sách để xem, mua, ôm ấp hoặc nâng niu những cuốn sách, truyện. - Nhận ra tên những cuốn sách, truyện đã xem.
- MT66: Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. - Đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách - Giữ gìn bảo vệ sách
- MT67: Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Biết đọc chuyện qua tranh vẽ, hình ảnh băng đĩa
- MT68: Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Hiểu và làm quen một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Kí hiệu cấm hút thuốc, cột xăng, kí hiệu nhà vệ sinh, lối ra vào, nơi bỏ rác, bến đỗ ô tô bus, không dẫm lên cỏ, ký hiệu đồ dùng cá nhân của mình và của bạn, nhãn hàng...
- MT69: Trẻ nhận dạng được các chữ cái trong bảng tiếng việt.	- Nhận dạng các chữ cái.
- MT70: Trẻ biết tô, đồ, các nét chữ, sao chép 1 số kí hiệu, chữ cái tên của mình.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tô, tập đồ các nét chữ - Sao chép 1 số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thể hiện điều muốn truyền đạt.
IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM XÃ HỘI	
1. Thể hiện ý thức về bản thân	
- MT71: Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Biết được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
- MT72: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở thích và khả năng của bản thân. - Biết việc gì làm được và không làm được
- MT73: Trẻ nói được mình có điểm	- Điểm giống và khác nhau của mình nói

giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)	với bạn khác.
- MT74: Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/em, trong gia đình.	- Biết vị trí mình trong gia đình...
- MT75: Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo và những việc vừa sức.	- Kính trọng và lễ phép với mọi người
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực.	
- MT76: Trẻ tự làm 1 số công việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật...)	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Chủ động và độc lập trong 1 số hoạt động. - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến. - Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn.
- MT77: Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao.	- Phối hợp cùng với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ, không xảy ra mâu thuẫn.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh.	
- MT78: Trẻ nhận biết, biểu lộ được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận...) qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.. - Dùng câu hỏi để hỏi lại...
- MT79: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói. - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu, lời nói của các nhân vật trong các câu truyện (VD: Ba cô gái, Ai đáng khen nhiều hơn...) - Biết sử dụng giọng điệu của các nhân vật khác nhau khi kể lại truyện hoặc kể lại một sự kiện.
- MT80: Trẻ biết an ủi và chia sẻ với người thân và bạn bè.	- Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui). - Biết an ủi/ chia vui phù hợp với họ. - An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm, mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói hoặc cử chỉ. - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình

	<p>huống giao tiếp khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
- MT81: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và 1 số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở nơi làm việc...)	- Kính yêu Bác Hồ.
- MT82: Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ lăng Bác Hồ. - Kể chuyện, hát, đọc thơ về Bác.
- MT83: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Đặc điểm nổi bật của 1 số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước (19/5, 1/6...) - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.	
- MT84: Trẻ biết thực hiện 1 số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp, gia đình và công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ...) - Hiểu được những lời nói và chỉ dẫn của người khác và phản hồi lại bằng những hành động hoặc lời nói phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập, sinh hoạt hàng ngày. - Thực hiện được lời chỉ dẫn 2 – 3 hành động liên quan liên tiếp, ví dụ khi cô nói: “Con hãy cất dép lên giá rồi đi rửa tay và lấy nước uống nhé” trẻ thực hiện đúng thứ tự các chỉ dẫn mà cô đã nêu.
- MT85: Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.
- MT 86: Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng người nói bằng việc lắng nghe, hoặc đặt các câu hỏi, nói ý kiến của mình khi họ đã nói xong. - Không nói hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ tình huống nào.
- MT 87: Trẻ biết chờ đến lượt.	<ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận - Chấp hành và thực hiện sự phân công của người điều hành với thái độ sẵn sàng, vui

	<p>vẽ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiệm vụ với thái độ sẵn sàng, vui vẻ. - Nhận ra và có ý kiến về sự không công bằng giữa các bạn. - Nêu ý kiến về cách tạo lại sự công bằng trong nhóm bạn. - Có ý thức cư xử sự công bằng với bạn bè trong nhóm chơi.
- MT88: Trẻ biết lắng nghe, trao đổi thỏa thuận chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm chia sẻ giúp đỡ bạn - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi đúng, sai, tốt, xấu. - Kể cho bạn nghe về chuyện vui, buồn, của mình. - Trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn. - Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm. - Được mọi người trong nhóm tiếp nhận. - Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái.
- MT89: Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)..	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn. - Biết tìm sự hỗ trợ từ người khác. - Biết cách trình bày để người khác giúp đỡ. - Bắt chuyện với bạn bè hoặc người lớn bằng nhiều cách khác nhau (ví dụ: sử dụng thông tin của một câu chuyện, sự kiện hay câu hỏi). - Cuộc trò chuyện được duy trì và phát triển.
5. Quan tâm đến môi trường	
- MT 90: Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	- Thích bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối
- MT91: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Nhận ra ảnh hưởng của hành vi đúng hoặc sai: Vứt rác ra đường là sai vì gây bẩn, ô nhiễm môi trường, như vậy có hại cho sức khỏe của mọi người.

- MT92: Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa).	- Nhận ra hành vi đúng/ sai của mọi người trong ứng xử với môi trường xung quanh. - Giữ gìn vệ sinh môi trường, không vứt rác bừa bãi, bẻ cành...
- MT93: Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt.	- Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.

V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ.

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.

- MT94: Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm, nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
- MT95: Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Hát theo nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp theo bài hát, bản nhạc. - Nghe các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển..) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát bản nhạc. - Hứng thú lắng nghe các bài các bài thơ, ca dao, đồng dao, câu chuyện... - Đọc bài thơ , ca dao, đồng dao diễn cảm... - Kể các câu chuyện, đóng vai các nhân vật trong câu chuyện....
- MT96: Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm, nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của tác phẩm tạo hình.	- Màu sắc, hình dáng, bố cục...Của các tác phẩm tạo hình.

2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

- MT97: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát, qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.....	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái tình cảm bài hát.
- MT98: Trẻ biết vận động nhịp	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp

nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu, múa.
- MT99: Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu tạo ra các sản phẩm. - Có cách thực hiện một nhiệm vụ khác hơn so với chỉ dẫn cho trước mà vẫn đạt được kết quả tốt, đỡ tốn thời gian... - Làm ra sản phẩm tạo hình không giống cách bạn khác làm.
- MT100: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé dán để tạo thành bức tranh, có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé dán để tạo ra bức tranh có màu sắc, kích thước, hình dáng đường nét và bố cục.
- MT101: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn, xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng nặn, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng đường nét và bố cục.
- MT102: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dạng bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét, bố cục.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật.	
- MT103: Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát bản nhạc yêu thích. - Đặt lời mới cho giai điệu bài hát bản nhạc quen thuộc (một câu, hoặc 1 đoạn)
- MT104: Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.
- MT105: Trẻ biết nói lên lý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
- MT106: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

V. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Các hoạt động giáo dục:

1.1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

1.2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

1.3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

1.4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục:

2.1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

2.2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

2.3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

3. Phương pháp giáo dục:

3.1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

3.2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

3.3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói.

Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

3.4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

3.5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

VI. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

1. Đánh giá trẻ hàng ngày:

1.1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

1.2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

1.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.

- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn:

2.1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

2.3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

2.4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nhà trường:

- Xây dựng kế hoạch chuyên môn cụ thể, có nội dung chi tiết theo từng tháng, học kỳ. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ chuyên môn, chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn.

- Tăng cường bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên qua việc tổ chức các chuyên đề, các buổi sinh hoạt chuyên môn, dự giờ đồng nghiệp, trao đổi, rút kinh nghiệm....

- Tổ chức các hội thi, các kịch bản lễ hội: Như hội thi giáo viên giỏi cấp trường, kịch bản “Tết trung thu”, “Tết nguyên đán”, “Tết thiếu nhi 1/6”...

- Kiểm tra hoạt động sư phạm giáo viên, chuyên đề, đột xuất để đánh giá chất lượng giáo viên.

- Giao chỉ tiêu cho từng lớp, từng giáo viên để phấn đấu đạt kết quả cao.

- Đầu năm tổ chức khảo sát chất lượng giáo viên, học sinh, để điều chỉnh kế hoạch kịp thời. Tuyên truyền về tầm quan trọng của giáo dục mầm non để tăng tỷ lệ huy động trẻ đến lớp, phối kết hợp với phụ huynh học sinh trong việc chăm sóc giáo dục trẻ.

2. Tổ chức chuyên môn:

- Xây dựng kế hoạch chuyên môn cụ thể, có nội dung chi tiết theo từng tháng, học kỳ.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn đúng quy định, tích cực đổi mới hình thức sinh hoạt.

3. Giáo viên:


- Xây dựng kế hoạch giáo dục ở khối lớp.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo Kế hoạch và điều chỉnh phù hợp.

- Tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp; làm đồ dùng dạy học; khai thác và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ quá trình giáo dục

- Tham gia các phong trào, hoạt động chuyên môn do trường và ngành phát động.

Ghi chú: Trên đây là một số định hướng cơ bản về hoạt động chuyên môn của nhà trường trong năm học 2024 - 2025. Kế hoạch có thể thay đổi, bổ sung.

	<p style="text-align: center;">NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">Lê Thị Thúy Hạnh</p>
--	--

KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁC KHỐI KHỐI NHÀ TRẺ

CHỦ ĐỀ 1: BÉ VÀ CÁC BẠN (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Bé biết nhiều thứ

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Các bạn của bé

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Lớp học của bé

Thứ	Giáo dục	Tuần 1 (Từ ngày 02/9 đến ngày 06/9)	Tuần 2 (Từ ngày 9/9 đến ngày 13/9)	Tuần 3 (Từ ngày 16/9 đến ngày 20/9)	Tuần 4 (Từ ngày 23/9 đến ngày 27/9)
Thứ 2	GDPTTC (TDVĐ)		BTPTC: Ô sao bé không lắc VĐCB: Đi trong đường hẹp TCVĐ: Bong bóng xà phòng	BTPTC: Thổi bóng. VĐCB: Bò trong đường hẹp TCVĐ: Bóng tròn to	BTPTC: Tập với vòng VĐCB: Bò theo hướng thẳng TCVĐ: Nu na nu nong
Thứ 3	GDPTNT (NBTN)		Trò chuyện về cơ thể bé	Trò chuyện về các bạn trong lớp của bé	Lớp học của bé
Thứ 4	GDPTNN (Văn học)		Thơ: Đôi mắt của em	Truyện: Đôi bạn nhỏ	Thơ: Bạn mới.
	GDPTNT (Toán)		Nhận biết màu đỏ	Nhận biết màu xanh	Nhận biết phân biệt màu đỏ, màu xanh
Thứ 5	GDPTTC-KNXH (Tạo hình)	RÈN NẾ NẾP	Xâu vòng theo mẫu tặng cô TC: Luyện các giác quan	Xâu vòng theo mẫu tặng bạn	Làm quen với đất nặn màu đỏ, màu xanh
Thứ 6	GDPTTM (Âm nhạc)	RÈN NẾ NẾP	- Hát VĐ: Búp bê - NH: Ru con	- Hát VĐ: Lời chào buổi sáng. - Nghe: Ru em (DC Xê Đăng).	- BD: Mẹ yêu không nào. - Nghe: Đi ngủ

CHỦ ĐỀ 2: ĐỒ CHƠI CỦA BÉ (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Bé với đồ dùng quen thuộc

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Những đồ chơi bé thích

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Bé với đồ chơi chuyển động được**CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Đồ chơi lắp ráp- xây dựng**

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 30/09 đến ngày 04/10)	Tuần 2 (Từ ngày 07/10 đến ngày 11/10)	Tuần 3 (Từ ngày 14/10 đến ngày 18/10)	Tuần 4 (Từ ngày 21/10 đến ngày 25/10)
Thứ 2	PTTC (TDVĐ)	BTPTC: Tập với vòng VĐCB: Đi theo đường ngoằn ngoèo TCVĐ: Mèo và chim sẻ	BTPTC: Tập với bóng VĐCB: Đi theo đường ngoằn ngoèo TCVĐ: Mèo và chim sẻ	BTPTC: Tay em VĐCB: Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh TCVĐ: Tung bóng cùng với cô	BTPTC: Thổi bóng VĐCB: Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh TCVĐ: Tung bóng cùng với cô
Thứ 3	PTNT (NBTN)	Nhận biết một số đồ dùng để ăn, để uống(Bát, thìa màu đỏ) TC: Ai lấy đúng	Đồ chơi của lớp(các con vật) TC: Con gì biến mất	Quan sát và gọi tên các đồ chơi chuyển động được (Ô tô, tàu hỏa)	Nhận biết, gọi tên một số đặc điểm nổi bật của đồ chơi (Xếp hình, lắp ráp, xây dựng)
Thứ 4	PTNN (Văn học)	KCTT: Kể về giờ ăn	KCTT: Bé có nhiều đồ chơi đẹp	Thơ: Chia đồ chơi	Kể chuyện: Thỏ con không vâng lời
	PTNT (Toán)	Nhận biết 1 và nhiều	Nhận biết màu xanh, màu đỏ, màu vàng	Nhận biết hình tròn, hình vuông	Ôn nhận biết màu vàng, màu đỏ, màu xanh
Thứ 5	PTTC-XH (Tạo hình)	Tô màu cái mũ màu xanh	Tô màu cái yếm màu vàng	Nặn vòng đeo tay theo màu đỏ, xanh, vàng	Tô màu quả bóng theo ý thích
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	- Hát VĐ: Đôi dép - Nghe: Chiếc khăn tay	- Hát VĐ: Cát đồ chơi - NH: Đồ vật bé yêu	- Hát VĐ: Cùng múa vui - Nghe: Trồng com(DCQH Bắc Ninh)	- BD cuối chủ đề

CHỦ ĐỀ 3: CÁC CÔ BÁC TRONG NHÀ TRẺ (3 TUẦN)**CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Bác cấp dưỡng****CHỦ ĐỀ NHÁNH II+III: Cô giáo của bé**

Thứ	Giáo dục	Tuần 1 (Từ ngày 28/10 đến ngày 01/11)	Tuần 2 (Từ ngày 04/10 đến ngày 08/11)	Tuần 3 (Từ ngày 11/11 đến ngày 15/11)
Thứ 2	PTTC (TDVĐ)	BTPTC: Tập với nơ VĐCB: Đi trong đường hẹp TCVĐ: Kéo cửa lùa xe	BTPTC: Tập với nơ VĐCB: Đi theo đường ngoằn ngoèo TCVĐ: Gà trong vườn rau	BTPTC: Tập với nơ VĐCB: Đi có mang vật trên tay TCVĐ: Gà trong vườn rau
Thứ 3	PTNT (NBTN)	NB 1 số đồ dùng chế biến thức ăn của bác cấp dưỡng (Dao, thớt, nồi cơm...)	TC về cô giáo, công việc của cô giáo	NB 1 số đồ dùng của cô giáo
Thứ 4	PTNN (Văn học)	Thơ: Giờ ăn	Thơ: Bàn tay cô giáo	Thơ: Cô dạy
	PTNT (Toán)	Nhận biết to- nhỏ	Ôn nhận biết to- nhỏ	Ôn nhận biết 1 và nhiều
Thứ 5	PTTC-XH (Tạo hình)	Tô màu ấm chén để tặng ông bà theo ý thích	Tô màu con lật đật theo ý thích	Xếp ngôi nhà.
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	- Hát VĐ: Mời bạn ăn - Nghe: Cô giáo	- Hát VĐ: Cô và mẹ - NH: Chim mẹ chim con	BD cuối CĐ

CHỦ ĐỀ 4: BÉ VÀ NHỮNG NGƯỜI THÂN YÊU (3 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Mẹ của bé

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Người thân yêu của bé

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Đồ dùng trong gia đình bé

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 18/11 đến ngày 22/11)	Tuần 2 (Từ ngày 25/11 đến ngày 29/11)	Tuần 3 (Từ ngày 2/12 đến ngày 6/12)

Thứ 2	PTTC (TDVĐ)	BTPTC: Tập với cờ. VĐCB: Đứng co chân TCVĐ: Bóng tròn to	BTPTC: Tập với cờ. VĐCB: Nhảy bật tại chỗ bằng hai chân TCVĐ: Bóng tròn to	BTPTC: Cây cao cây thấp. VĐCB: Chạy theo hướng thẳng TCVĐ: Gieo hạt
Thứ 3	PTNT (NBTN)	Trò chuyện về mẹ của bé	Trò chuyện về những người thân yêu trong gia đình	Nhận biết một số đồ dùng nhà bé (giường, tủ, bàn, ghế)
Thứ 4	PTNN (Văn học)	Thơ: Yêu mẹ	Kể chuyện: Đôi bạn tốt	Thơ: Cái chổi
	PTNT (Toán)	Ôn nhận biết hình tròn, hình vuông	Ôn nhận biết màu đỏ, màu xanh, màu vàng	Nhận biết phía trước, phía sau của bản thân
Thứ 5	PTTC-XH (Tạo hình)	Tô màu chiếc nón màu vàng tặng mẹ	Tô chiếc váy màu đỏ cho bé	Tô màu bánh sinh nhật
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	- Hát VĐ: Cả nhà thương nhau - NH: 3 ngọn nến lung linh	- Hát VĐ: Cháu yêu bà - NH: Bà cồng	BD cuối chủ đề

CHỦ ĐỀ 5: NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Con vật nuôi trong gia đình (gia cầm)

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Con vật nuôi trong gia đình (gia súc)

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Con vật sống dưới nước

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Con vật sống trong rừng

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 09/12 đến ngày 13/12)	Tuần 2 (Từ ngày 16/12 đến ngày 20/12)	Tuần 3 (Từ ngày 23/12 đến ngày 27/12)	Tuần 4 (Từ ngày 30/12 đến ngày 03/01)

Thứ 2	PTTC (TDVĐ)	BTPTC: Gà gáy VĐCB: Ném bóng bằng 1 tay TCVĐ: Gà trong vườn rau	BTPTC: Gà gáy VĐCB: Đi và bê vật trên 2 tay TCVĐ: Gà trong vườn rau	BTPTC: Gà con VĐCB: Bò chui qua cổng TCVĐ: Cáo và thỏ	BTPTC: Thỏ con VĐCB: Bò trườn qua vật cản TCVĐ: Trời nắng trời mưa
Thứ 3	PTNT (NBTN)	LQ 1 số con vật nhóm gia cầm (Con gà trống, con gà mái, con vịt)	LQ 1 số con vật nhóm gia súc (Con chó, gà mèo, con lợn)	LQ 1 số con vật sông dưới nước (Con cá con tôm con cua)	TC về các con vật sống trong rừng (Con voi, hổ, gấu)
Thứ 4	PTNN (Văn học)	Kể chuyện: Chim con và gà con	Thơ: Con trâu	Thơ: Rong và cá	Kể chuyện: Sẻ con TC: Các chú chim sẻ
	PTNT (Toán)	Ôn nhận biết 1 và nhiều	Ôn nhận biết màu xanh, màu vàng	Phân biệt to-nhỏ (vịt mẹ, vịt con)	Ôn nhận biết 1 và nhiều, khoanh tròn các vòng sao cho ,mỗi vòng 1 con gà
Thứ 5	PTTC-XH (Tạo hình)	Tô màu con mèo màu vàng, cuộn len màu xanh	Nặn thức ăn cho gà, vịt	Dán con cá	Tô màu vàng cho con vịt
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	- Hát VD: Con gà trống- Nghe: Rửa mặt như mèo	- Hát VD: Chú mèo - NH: Gà trống, mèo con và cún con	- Hát VD: Cá vàng bơi VĐTN: Trời nắng, trời mưa	- BD cuối chủ đề

CHỦ ĐỀ 6: NGÀY TẾT VUI VẺ (3 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Mùa xuân với bé

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Ngày tết với bé

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Một số bánh kẹo ngày tết

Thứ	Lĩnh vực	Tuần I (Từ ngày 06/01 đến ngày 10/01)	Tuần II (Từ ngày 13/01 đến ngày 17/01)	Tuần III (Từ ngày 20/01 đến ngày 24/01)
-----	----------	--	---	--

Thứ 2	PTTC (TDVĐ)	BTPTC: Thổi bóng VĐCB: Đi và bê vật trên 2 tay TCVĐ: Hái quả	BTPTC: Thổi bóng VĐCB: Bò qua vật cản TCVĐ: Bịt mắt bắt dê	BTPTC: Thổi bóng VĐCB: Tung bắt bóng với cô TCVĐ: Bịt mắt bắt dê
Thứ 3	PTNT (NBTN)	Trò chuyện về 1 số loại hoa mùa xuân	NB 1 số bánh kẹo ngày tết	Trò chuyện về ngày Tết
Thứ 4	PTNN (Văn học)	Thơ: Đi chợ tết	Thơ: Hoa nở	Thơ: Mùa xuân
	PTNT (Toán)	Nhận biết kích thước to- nhỏ,	Nhận biết hình tròn, hình vuông	Nhận biết hình tròn, tam giác
Thứ 5	PTTC-XH (Tạo hình)	Dán hoa cho cây.	Tô màu vàng cho quả xoài, quả chuối	Vẽ thêm nét thẳng từ bông hoa xuống và vẽ thêm lá cho hoa.
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	- Hát VĐ: Bé và hoa - NH: Mùa xuân đến rồi	- Hát VĐ: Sắp đến tết rồi - NH: Hoa trong vườn	BD cuối chủ đề

CHỦ ĐỀ 7: CÂY VÀ NHỮNG BÔNG HOA ĐẸP (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Cây xanh và môi trường sống

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Một số loại rau

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Một số loại hoa

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Một số loại quả

Nghỉ tết bắt đầu từ ngày 27/01 đến hết ngày 31/1/2025 (Tức ngày 29/12 – 5/1/2025 Âm lịch)

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 27/01 đến ngày 31/01/) (Tuần nghỉ tết)	Tuần 2 (Từ ngày 03/02 đến ngày 07/02)	Tuần 3 (Từ ngày 10/02 đến ngày 14/02)	Tuần 4 (Từ ngày 17/02 đến ngày 21/02)
Thứ 2	PTTC (TDVĐ)	BTPTC: Cây cao cỏ thấp VĐCB: Bật xa bằng 2 chân TCVĐ: Gió thổi cây nghiêng	BTPTC: Cây cao cỏ thấp VĐCB: Đi và bê vật trên 2 tay TCVĐ: Lăn bóng	BTPTC: Tập với cành hoa VĐCB: Bò trườn qua vật cản TCVĐ: Bóng tròn to	BTPTC: Tập với cành hoa VĐCB: Bò có mang vật trên lưng TCVĐ: Hái quả

Thứ 3	PTNT (NBTN)	NB 1 số loại cây: Cây nhãn, cây bàng...	NB 1 số loại rau, củ: Su hào, bắp cải	QS 1 số loại hoa: Hoa hồng, hoa cúc, hoa sen	NB 1 số loại quả: Quả đu đủ, quả chuối, quả cam,
Thứ 4	PTNN (Văn học)	Kể chuyện: Cây táo	Thơ: Bắp cải xanh	Thơ: Hoa mào gà	Thơ: Quả thị
	PTNT (Toán)	Ôn nhận biết to- nhỏ	Ôn nhận biết 1 và nhiều	Nhận biết trên-dưới	Nhận biết to-nhỏ
Thứ 5	PTTC-XH (Tạo hình)	Tô màu quả cà chua và quả táo màu đỏ	Tô màu quả dứa, quả na màu xanh	Tô màu hoa cúc màu vàng, tô vẽ thêm cuống lá màu xanh	Nặn quả cam
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	- Hát VD: Lý cây xanh - Nghe: Em yêu cây xanh	- Hát VD: Bắp cải xanh - NH: Lý cây bông	- Hát VD: Hái hoa - NH: Hoa thơm bướm lượn	- BD: Quả NH: Cây trúc xinh

CHỦ ĐỀ 8: BÉ VỚI CÁC PTGT (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: PTGT đường bộ

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: PTGT đường bộ

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: PTGT đường thủy

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: PTGT đường hàng không

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 24/02 đến ngày 28/02)	Tuần 2 (Từ ngày 03/3 đến ngày 07/3)	Tuần 3 (Từ ngày 10/3 đến ngày 14/3)	Tuần 4 (Từ ngày 17/3 đến ngày 21/3)
Thứ 2	PTTC (TDVĐ)	BTPTC: Tập với vòng VĐCB: Chạy theo hướng thẳng TCVĐ: Lăn bóng	BTPTC: Tập với vòng VĐCB: Chạy theo hướng thẳng TCVĐ: Lăn bóng	BTPTC: Máy bay VĐCB: Trườn qua vật cản TCVĐ: Chọn PTGT theo mẫu	BTPTC: Máy bay VĐCB: Ném bóng về phía trước TCVĐ: Bé hãy đứng như 1 chú cò (Đứng 1 chân)
Thứ 3	PTNT (NBTN)	Nhận biết xe đạp, xe máy TCVĐ: Chim sẻ và ô tô	Nhận biết: ô tô, tàu hỏa TCVĐ: Đoàn tàu nhỏ xíu	Nhận biết: Tàu thủy, thuyền, ca nô TCDG: Thả đĩa ba ba	Nhận biết: Máy bay, kính khí cầu. TCVĐ: Máy bay

Thứ 4	PTNN (Văn học)	Thơ: Xe đạp TC: Đoàn tàu nhỏ xíu	Thơ: Đi chơi phố TC: Chạy lấy đồ	Thơ: Con tàu	Kể chuyện: Câu chuyện về chiếc xe ủi
	PTNT (Toán)	Ôn nhận biết 1 và nhiều	Ôn nhận biết màu vàng, đỏ, xanh	Ôn nhận biết 1 và nhiều	Tập đếm các PTGT
Thứ 5	PTTC-XH (Tạo hình)	Tô màu đỏ cho chiếc ô tô	Nặn bánh xe(Mẫu)	Dán đèn giao thông	Tô màu chiếc mũ bảo hiểm theo ý thích.
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	- Hát VD: Em tập lái ô tô - Nghe: Em đi qua ngã tư đường phố	- Hát VD: Đèn xanh, đèn đỏ - NH: Đường em đi	- Hát VD: Tàu hỏa - NH: Em đi chơi thuyền	- BD: Đoàn tàu nhỏ xíu NH: Anh phi công ơi

CHỦ ĐỀ 9: MÙA HÈ ĐẾN (3 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Thời tiết mùa hè

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Bé làm được gì trong mùa hè

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Quần áo trang phục mùa hè

Thứ	Lĩnh vực	Tuần I <i>Từ ngày 24/3 đến ngày 28/3)</i>	Tuần II <i>Từ ngày 31/03 đến ngày 04/04)</i>	Tuần III <i>Từ ngày 07/04 đến ngày 11/4)</i>
Thứ 2	PTTC (TDVĐ)	BTPTC: Thổi bóng VĐCB: Đi và bê vật trên 2 tay TCVĐ: Hái quả	BTPTC: Thổi bóng VĐCB: Bò qua vật cản TCVĐ: Bịt mắt bắt dê	BTPTC: Thổi bóng VĐCB: Tung bắt bóng với cô TCVĐ: Bịt mắt bắt dê
Thứ 3	PTNT (NBTN)	Trò chuyện về đặc điểm nổi bật của thời tiết mùa hè	Bé được làm gì trong mùa hè	Trò chuyện về quần áo trang phục mùa hè
Thứ 4	PTNN (Văn học)	Thơ: Bóng mây	Truyện: Cóc gọi trời mưa	Thơ: Trăng sáng
	PTNT (Toán)	Nhận biết 1 và nhiều	Ôn nhận biết 1 và nhiều	Ôn hình tròn, hình vuông
Thứ 5	PTTC-XH (Tạo hình)	Tô màu chiếc ô theo ý thích	Vẽ thêm tia nắng màu đỏ xung quanh ông mặt trời và tô	Tô màu theo ý thích(quần áo)

			màu.	
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	- Hát VĐ: Mùa hè đến - NH: Mưa rơi	- Hát VĐ: Khám tay - NH: Cho tôi đi làm mưa với	- BD cuối chủ đề - NH: Thật đáng chê

CHỦ ĐỀ 10: BÉ LÊN MẪU GIÁO (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Trường mẫu giáo của bé

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Lớp học của bé

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Cô giáo của bé

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Bé tham gia các hoạt động

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 14/04 đến ngày 18/04)	Tuần 2 (Từ ngày 21/04 đến ngày 25/04)	Tuần 3 (Từ ngày 28/04 đến ngày 02/05)	Tuần 4 (Từ ngày 05/05 đến ngày 09/05)
Thứ 2	PTTC (TDVĐ)	BTPTC: Tập với nơ VĐCB: Chạy theo hướng thẳng TCVĐ: Bóng tròn to	BTPTC: Tập với nơ VĐCB: Ném bóng về phía trước TCVĐ: Mèo và chim sẻ	BTPTC: Tập với nơ VĐCB: Tung bóng qua dây TCVĐ: Mèo và chim sẻ	BTPTC: Tập với nơ VĐCB: Tung bóng qua dây TCVĐ: Mèo và chim sẻ
Thứ 3	PTNT (NBTN)	QS xem tranh ảnh trò chuyện về tên trường, các khu vực, ĐDDC có trong trường mẫu giáo	Các hoạt động của bé ở lớp	Trò chuyện về cô giáo và các bạn	Quan sát một số góc chơi của lớp mẫu giáo.
Thứ 4	PTNN (Văn học)	Thơ: Vườn trẻ	Thơ: Tình bạn	Thơ: Mẹ và cô giáo	Thơ: Đến lớp
	PTNT (Toán)	Ôn nhận biết 1 và nhiều	Ôn nhận biết màu vàng, đỏ, xanh	Nhận biết trước- sau	Ôn nhận biết trước sau
Thứ 5	PTTC-XH (Tạo hình)	Nặn quả bóng màu đỏ, màu xanh	Vẽ cái bánh hình vuông	Nặn viên phấn	Tô màu cái kẹo mút
Thứ 6	PTTM (Âm)	- Hát VĐ: Cháu đi mẫu giáo	- Hát VĐ: Vui đến trường	BD: Hoa bé ngoan	Biểu diễn cuối CĐ

	nhạc)	- Nghe: Trường chúng cháu là trường mầm non.	- NH: Đi học	NH: Cô giáo	
--	-------	---	--------------	-------------	--

KHỐI 3T CHỦ ĐỀ 1: TRƯỜNG MẦM NON (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Rèn nề nếp **CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Trường Mầm non của bé**

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Tết trung thu **CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Cô giáo và các bạn**

Thứ	Lĩnh vực	Tuần I (Từ ngày 2/9 đến ngày 6/9/2024)	Tuần II (Từ ngày 9/9 đến ngày 13/9)	Tuần III (Từ ngày 16/9 đến ngày 20/9) Trung thu 17/9 thứ ba	Tuần IV (Từ ngày 23/9 đến ngày 27/9)
Thứ 2	PTNT (MTXQ)		Trò chuyện về trường mầm non của bé(5E). (MT26)	Trò chuyện về Tết trung thu (MT42)	Trò chuyện về lớp học của bé. (MT26, 40)
Thứ 3	PTTM (Tạo hình)		Tô màu bức chân dung cô giáo. (MT78, 79, 83)	Làm đèn trung thu EDP (MT78, 83) Tổ chức kịch bản Tết trung thu MT 42	Vẽ cái kẹo (MT78, 79, 83) Làm cái kẹo(EDP)
Thứ 4	PTNT (Toán)	Rèn nề nếp	- Đếm, nhận biết một và nhiều. (MT28)	Nhận biết to – nhỏ, xếp tương ứng 1 – 1. (MT33,34)	Đếm trong phạm vi 2 (MT29, 30, 31, 32)
	PTTC (Thể dục)		- Đi theo hiệu lệnh tay chống hông (MT2)	- Trườn theo đường thẳng (MT6)	- Bật tại chỗ. (MT5) T/c: Tìm bạn thân
Thứ 5	PTNN (Văn học)	Rèn nề nếp	Thơ: “Đến lớp” - MT46, 51 Sáng tác: Xuân Hoài	Thơ: Trăng sáng- MT46, 51	Truyện: Mèo Hoa đi học Hoặc: Đôi bạn tốt- MT46, 53
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	Rèn nề nếp	- Hát VĐ: Vui đến trường – MT75, 76 + Nghe: Cò lả, - Trò chơi: Tai ai tinh.	- Hát VĐ: Đêm trung thu. MT75, 76 - Nghe hát: Rước đèn trung thu. - Trò chơi: Tai ai tinh	- BD: Cô và mẹ- MT75, 76 - Nghe hát: Cô giáo + T/C: Nghe nhạc đoán tên bài hát

KHỐI 3T CHỦ ĐỀ 2: BẢN THÂN (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Tôi là ai **CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Các giác quan trên cơ thể bé**

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Cơ thể tôi CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Tôi cần gì lớn lên và khỏe mạnh

Thứ	Lĩnh vực	<i>Tuần 1 (Từ 30/9 Đến ngày 4/10)</i>	<i>Tuần 2 (Từ 7/10 Đến ngày 11/10)</i>	<i>Tuần 3 (Từ 14/10 Đến ngày 18/10) (Ngày PNVN CN)</i>	<i>Tuần 4 (Từ ngày 21/10 Đến ngày 25/10)</i>
Thứ 2	PTNT (MTXQ)	Trò chuyện về bản thân bé và các bạn trong lớp. (MT37)	Trò chuyện về các giác quan trên cơ thể bé(MT21)	Trò chuyện về sự cần thiết phải giữ gìn cơ thể khỏe mạnh (MT10, 21)	Làm quen với 4 nhóm thực phẩm. (MT9, 10, 11)
Thứ 3	PTTM (Tạo hình)	- Tô màu bức tranh bạn gái. (MT78, 83) - Thiết kế tóc cho bạn trai, bạn gái (EDP)	- Dán bóng bay(MT82, 83) - Thiết kế trang phục bằng các nguyên vật liệu khác nhau(EDP)	Nặn bánh xà phòng. (MT77, 81, 83)	- Nặn bánh hình tròn, hình vuông. (MT77, 81, 83) - Làm mũ đội đầu (EDP)
Thứ 4	PTNT (Toán)	Nhận biết cao thấp(MT34)	Nhận biết tay phải, tay trái của bản thân. (MT36)	Nhận biết phía trên, phía dưới của bản thân. (MT36)	Nhận biết phía trước, phía sau của bản thân. (MT36)
	PTTC (Thể dục)	- Đi theo đường hẹp về nhà(MT2) - T/C: Về đúng nhà	- Ném xa bằng 1 tay(MT6) - T/c: Trời nắng trời mưa	- Bật xa 25cm(MT5) - T/C: Gieo hạt nảy mầm	- Bò theo hướng thẳng(MT6) - T/C: Gieo hạt nảy mầm
Thứ 5	PTNN (Văn học)	Thơ: Bạn của bé (MT46, 51)	Thơ: “Đôi mắt của em” (MT46, 51)	Truyện: Cái miệng (MT46, 52, 53)	Truyện: “Gấu con bị đau răng” 5E (MT46, 52, 53)
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	- Dạy VĐ: Tập đếm. - Nghe: Khúc hát ru của người mẹ trẻ. - T/C: Đoán tên bài hát (MT75,76, 85)	- Dạy VĐ: Cái mũi - NH: Bàn tay mẹ - T/C: Tai ai tinh (MT75, 76, 85) - Khám phá giai điệu bài hát “Cái mũi” (5E)	- Dạy VĐ: Hãy xoay nào. - Nghe: Ru con (DCNB). - T/c: Tai ai tinh. (MT75, 76, 85)	- BD: Rửa mặt như mèo. - Nghe: Con Mèo...sông - T/C: Nghe nhạc đoán tên bài hát.(MT75, 76, 85)

KHỐI 3T CHỦ ĐỀ 3: GIA ĐÌNH (4 TUẦN)**CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Ai cũng yêu bé****CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Ngôi nhà thân****yêu****CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Nhu cầu của gia đình****CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Bé yêu cô****giáo bé**

Thứ	Lĩnh vực	<i>Tuần 1 (Từ 28/10 Đến ngày 1/11)</i>	<i>Tuần 2 (Từ 4/11 Đến ngày 8/11)</i>	<i>Tuần 3 (Từ 11/11 Đến ngày 15/11)</i>	<i>Tuần 4 (Từ ngày 18/11 Đến ngày 22/11) (Ngày Nhà giáo VN thứ 4)</i>
Thứ 2	PTNT (MTXQ)	Trò chuyện về các thành viên trong gia đình. (MT38, 39)	Trò chuyện về ngôi nhà của bé. (MT26)	Trò chuyện về 1 số đồ dùng trong gia đình(MT24) Khám phá đồ dùng gia đình(5E)	Trò chuyện về ngày 20 - 11. (MT42)
Thứ 3	PTTM (Tạo hình)	Tô màu btranh những người thân trong gia đình.(MT78, 83) Thiết kế khung ảnh gia đình (5E)	Dán ngôi nhà (MT80, 82, 83) Thiết kế ngôi nhà (EDP)	Vẽ làn cho mẹ (MT78, 79, 83) Làm làn cho mẹ(EDP)	Vẽ hoa tặng cô giáo (MT78, 79, 83) Làm bông hoa tặng cô (EDP)
Thứ 4	PTNT (Toán)	Đếm số lượng trong phạm vi 3, nhận biết 3 chấm tròn (MT 29)	So sánh số lượng trong phạm vi 3(nói được nhiều hơn, ít hơn) (MT 30)	Tách gộp trong phạm vi 3 đối tượng. (MT 31, 32)	Số liền trước, số liền sau trong phạm vi 3(MT 29)
	PTTC (Thẻ đục)	Trườn về phía trước T/C: “bóng tròn to” (MT6)	Đi thay đổi hướng theo đường díc dắc(MT3) T/C: “Về đúng nhà mình”	- Tung bắt bóng với cô - T/C: “Kéo co” (MT4)	Bật về phía trước(MT5) T/C: “Về đúng nhà mình”
Thứ 5	PTNN (Văn học)	Truyện: Tích chu (MT46, 53)	Thơ: Thăm nhà bà 5E (MT46, 51)	Truyện: “Chiếc ấm sành nở hoa”(MT46,53)	Thơ: Cô và mẹ (MT46, 51)
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	VĐ: Cháu yêu bà + NH: Khúc hát	VĐ: Nhà của tôi + Nghe: Tổ ấm	VĐ: Cả nhà thương nhau + Nghe: Cho	+ BD: Cô và mẹ + Nghe: Cô

	ru người mẹ trẻ. + T/C: Ai đoán giỏi. (MT75, 76)	gia đình + T/C: Đoán tên bài hát. (MT75, 76)	con. + T/C: Đoán tên bài hát (MT75, 76)	giáo T/c: Ô cửa bí mật. (MT75, 76)
--	---	---	--	---

KHỐI 3T CHỦ ĐỀ 4: NGHỀ NGHIỆP (5 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Bác nông dân

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Cô bán hàng

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Bác sỹ

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Chú bộ đội

CHỦ ĐỀ NHÁNH V: Chú công nhân xây dựng

Thứ	Lĩnh vực	<i>Tuần 1 (Từ 25/11 Đến ngày 29/11)</i>	<i>Tuần 2 (Từ 2/12 Đến ngày 6/12)</i>	<i>Tuần 3 (Từ 9/12 Đến ngày 13/12)</i>	<i>Tuần 4 (Từ 16/12 Đến ngày 20/12)</i> <i>(22/12 CN)</i>	<i>Tuần 5 (Từ 23/12 Đến ngày 27/12)</i>
Thứ 2	PTNT (MTXQ)	Trò chuyện về công việc của bác nông dân (MT41) Khám phá về công việc của bác nông dân - 5E.	Trò chuyện về cô bán hàng (MT41)	Làm quen với công việc của bác sỹ (MT41)	Trò chuyện về công việc của chú bộ đội (MT41)	Trò chuyện về chú công nhân xây dựng (MT41)
Thứ 3	PTTM (Tạo hình)	Vẽ cuộn lên (MT78, 79, 83, 84)	Tô màu quần áo (MT78, 83)	Nặn bánh sinh nhật (MT77, 81, 83, 84)	Nặn quà tặng chú bộ đội (MT77, 81, 83, 84) Làm quà tặng chú bộ đội (EDP)	Vẽ đồ dùng của bác thợ xây (MT78, 79, 83, 84)
Thứ 4	PTNT (Toán)	Nhận biết hình tròn, vuông (5E) (MT35)	Nhận biết hình tam giác, hình chữ nhật (5E).(MT35)	Nhận biết to – nhỏ của 2 đối tượng (MT34)	Ghép đôi thành cặp có liên quan (MT33)	Nhận biết dài, ngắn của 2 đối tượng(5E). (MT34)
	PTTC (Thể dục)	Đập bắt bóng T/C: Trồng nụ Trồng hoa (MT4)	Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. T/C: Người tài xế giỏi (MT3)	Ném xa bằng 2 tay T/C: Kéo co (MT6)	Chạy nhanh 10m T/C: Tạo dáng (MT3)	Đi chạy theo đường hẹp. T/C: (MT3)

Thứ 5	PTNN (Văn học)	Truyện: “Bác nông dân” hoặc “Nhỏ củ cải” (MT46, 53)	Thơ: “Bé làm bao nhiêu nghề” 5E (MT46, 51)	Thơ: “Thỏ bông bị ốm” (MT46, 51)	Thơ: “Em yêu chú bộ đội” (MT46, 51)	Thơ: “Em làm thợ xây 5E” (MT46, 51)
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	VĐ: Ôn bác nông dân Nghe: Hạt gạo làng ta. T/C: Tai ai tinh. (MT75, 76)	VĐ: Cháu yêu cô thợ dệt Nghe: Lý cây bông T/C: Tiếng hát ở đâu (MT75, 76)	VĐ: Em tập làm bác sỹ (Lê Ngân) Nghe: Lý chiều chiều T/C: Nghe tiếng hát tìm đồ vật. (MT75, 76)	VĐ: Làm chú bộ đội. Nghe: Cháu thương chú bộ đội. T/C: Tai ai tinh (MT75, 76)	BD cuối CD - VĐ: Cháu yêu cô chú công nhân - Nghe: Ba em là công nhân lái xe T/c : Ô cửa bí mật (MT75, 76)

CHỦ ĐỀ 5: THẾ GIỚI THỰC VẬT (5 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Vườn cây nhà bé

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Một số loại

hoa

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Một số loại rau củ quả

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Tết và mùa

xuân

CHỦ ĐỀ NHÁNH V: Một số loại cây lương thực

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ 30/12/24 Đến ngày 3/1/25)	Tuần 2 (Từ 6/1 Đến ngày 10/1)	Tuần 3 (Từ 13/1 Đến ngày 17/1)	Tuần 4 (Từ 20/1 Đến ngày 24/1) (Nghỉ tết: (Từ 27/1/2024 – 2/2/2025))	Tuần 2 (Từ ngày 3/2 – 7/2/2025)
2	PTNT (MTXQ)	Cây xanh và môi trường sống. (MT20, 24)	Một số loại hoa. (MT20, 24)	Một số loại rau, củ, quả. (MT20, 24) Khám phá quả cam (5E)	Trò chuyện về ngày Tết nguyên đán. (MT42)	Một số cây lương thực. (MT20, 24) Khám phá bắp ngô(5E)
3	PTTM (Thìh)	Xé dán lá cây. (MT 80, 82, 83)	Vẽ quả cho cây (MT 78, 79, 83) Thiết kế lọ	Nằm quả cam. (MT77, 81, 83)	Vẽ hoa bằng vân tay. (MT 78, 79, 83) Làm pháo hoa ngày	Vẽ theo ý thích. (MT 78, 79, 83, 86)

		Làm hoa từ các nguyên vật liệu tự nhiên(EDP)	hoa bằng các nguyên vật liệu (EDP)		Tết(EDP)	
4	PTNT (Toán)	Ôn: Nhận biết hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật(MT35)	Xếp tương ứng 1-1(5E). (MT33)	Đếm số lượng trong phạm vi 4, nhận biết 4 chấm tròn. (MT29)	So sánh số lượng trong phạm vi 4. (MT30)	Tách gộp trong phạm vi 4 đối tượng và đếm. (MT31, 32)
	PTTC (Thể dục)	Tung và bắt bóng tại chỗ. T/C: Kéo co.(MT4)	Tổ chức thi thể thao trong dịp tết (Chạy nhanh 15m). T/C: Tín hiệu. (MT3)	Chạy theo đường dích dắc. T/C: Trồng nụ trồng hoa. (MT3)	Chuyên bắt bóng 2 bên theo hàng ngang T/C: Nhảy lò cò.(MT4)	Ném xa bằng 1 tay. T/C: Ai ném xa nhất. (MT6)
5	PTNN (Văn học)	Thơ: Cây xanh. (MT46, 51)	Truyện: Hoa mào gà. (MT46, 53)	Thơ: Bắp cải xanh. (MT46, 51)	Thơ: Tết đang vào nhà 5E. (MT46, 51)	Truyện: Chú đồ con.5E (MT46, 53)
6	PTTM (Âm nhạc)	VĐ: Lý cây xanh(đa văn hóa) - Nghe hát: Cây trúc xinh - T/C: Khiêu vũ với bóng. (MT75, 76)	VĐ: Màu hoa - Nghe hát: Hoa thom bướm lượn. - T/C: Tai ai tinh. (MT75, 76)	VĐ: Cây bắp cải - Nghe hát: Lý cây bông. - T/C: Tai ai tinh. (MT75, 76)	VĐ: Sắp đến tết rồi - Nghe hát: Mùa xuân ơi. - T/C: Về đúng vườn. (MT75, 76)	BD: Em yêu cây xanh. (MT75, 76) + Nghe: Lý chiều chiều. T/c: Ô của bí mật

KHỐI 3T CHỦ ĐỀ 6: THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Nhóm gia cầm

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Nhóm gia súc

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Động vật sống trong rừng

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Động vật sống dưới nước

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ 10/2/2025 Đến ngày 14/2/25)	Tuần 2 (Từ 17/2 Đến ngày 21/2/2025)	Tuần 3 (Từ 24/2 Đến ngày 28/2/2025)	Tuần 4 (Từ 03/3 Đến ngày 7/3/2025)
Thứ 2	PTNT (MTXQ)	Làm quen 1 số con vật thuộc nhóm gia cầm (MT24, 25) Khám phá con gà thuộc nhóm gia cầm (5E)	Làm quen với một số con vật thuộc nhóm gia súc (MT24, 25) Khám phá con lợn thuộc nhóm gia súc (5E)	Làm quen với một số con vật sống trong rừng. (MT24, 25)	Làm quen với một số con vật sống dưới nước. (MT24, 25)
Thứ 3	PTTM (Tạo hình)	vẽ gà con. (MT 78, 79, 83) Làm chuỗi cho các con vật (EDP)	Xếp, dán con vịt (MT 82, 83) Tạo hình con thỏ bằng các nguyên vật liệu khác nhau (EDP)	Nặn con rắn (MT 81, 83)	Vẽ con cá (MT 78, 79, 83) Làm các con vật sống dưới nước bằng các nguyên vật liệu tự nhiên (EDP)
Thứ 4	PTNT (Toán)	Số liền trước, số liền sau trong phạm vi 4 (MT 29)	Đếm số lượng trong phạm vi 5, nhận biết 5 chấm tròn. (MT29)	So sánh số lượng trong phạm vi 5. (MT29, 30)	Tách gộp trong phạm vi 5 đối tượng và đếm. (MT29, 31,32)
	PTTC (Thể dục)	Đập bắt bóng T/C: Trồng nụ trồng hoa (MT4)	Đi kiễng gót liên tục 3m. T/C: Tạo dáng (MT2)	Chạy nhanh 10m T/C: Kéo co (MT3)	Chạy nhanh 15m T/C: Tạo dáng (MT3)
Thứ 5	PTNN (Văn học)	Thơ: “Gà trống” (MT46, 51)	Truyện: Chú vịt xám (5E) (MT46, 52, 53)	Truyện: Bác gấu đen và hai chú thỏ (5E) (MT46, 52, 53)	Thơ: “Cá ngủ ở đâu” (MT46, 51)
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	VĐ: Đàn vịt con. + Nghe: Gà gáy le té. + T/C: Tai ai tinh. (MT75, 76)	VĐ: Ai cũng yêu chú mèo. + Nghe: Chú mèo con + T/C: Ai nhanh nhất (MT75, 76)	VĐ: Đố bạn. + Nghe: Chú voi con + T/C: Tai ai tinh (MT75, 76)	- BD: Cá vàng bơi. + Nghe: Cái bóng. + T/C: Nghe nhạc đoán tên bài hát. (MT75, 76)

CHỦ ĐỀ 7: GIAO THÔNG (4 TUẦN)

CĐỀ NHÁNH I: Các PTGT đường bộ **CĐỀ NHÁNH II: PTGT đường hàng không**

CĐỀ NHÁNH III: 1 số PTGT đường thủy, đường sắt

CĐỀ NHÁNH IV: Luật giao thông phổ biến

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ 10/3 Đến ngày 14/3)	Tuần 2 (Từ 17/3 Đến ngày 21/3)	Tuần 3 (Từ 24/3 Đến ngày 28/3)	Tuần 3 (Từ 31/3 Đến ngày 4/4)
Thứ 2	PTNT (MTXQ)	Khám phá 1 số PTGT đường bộ (MT24, 26) Khám phá xe đạp (xe máy)(5E)	LQ 1 số PTGT đường hàng không.(MT24, 26)	Làm quen 1 số PTGT đường thủy, đường sắt (MT20)	Làm quen một số biển báo. (MT24)
Thứ 3	PTTM (Tạo hình)	Vẽ ô tô (MT 78, 79, 83) Thiết kế xe ô tô (EDP)	Nặn máy bay (MT77, 81, 83) Thiết kế dù	Dán đèn giao thông (MT82, 83) Thiết kế đèn giao thông (EDP)	Xếp dán thuyền trên sông (MT82, 83) Làm bè nổi trên sông (EDP)
Thứ 4	PTNT (Toán)	Nhận biết to – nhỏ của 2 đối tượng (MT34)	Sắp xếp các đồ vật theo quy tắc 1 - 1. (MT33)	Nhận biết htròn, hvuông, hình tam giác, hình chữ nhật (MT35)	Sử dụng các hình học để ghép. (MT35)
	PTTC (Thể dục)	Ném trúng đích nằm ngang (MT6) T/C: Thuyền về bến.	Ném xa bằng 1 tay T/C: Ô tô và chim sẻ (MT6)	Ném trúng đích bằng 1 tay. (MT6) T/C: Ném bóng	Chạy thay đổi hướng theo đường díc dắc. (MT3) T/C: Đi về phía nào
Thứ 5	PTNN (Văn học)	Truyện: Gấu con đi xe đạp.(MT46, 53)	Thơ: Xe chữa cháy (MT46, 51)	Truyện: Thỏ con đi học (MT46, 53)	Thơ: Giúp bà 5E. (MT46, 51)
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	VĐ: Em tập lái ô tô. - Nghe: Đường em đi. - Trò chơi: Nghe âm thanh đoán tên PTGT. (MT75, 76)	VĐ: Đoàn tàu nhỏ xíu Nghe: Em đi chơi thuyền. T/C: Đi đúng đường (MT75, 76)	VĐ: Nhớ lời cô dặn Nghe: Đèn xanh, đèn đỏ. T/C: Bắt trước tiếng còi của các loại xe.	BD cuối chủ đề Em đi qua ngã tư đường phố. (MT75, 76) - NH: - TC:

				(MT75, 76)	
--	--	--	--	------------	--

CHỦ ĐỀ 8: NƯỚC (2 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Sự kỳ diệu của nước

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Mùa hè tuyệt vời

Thứ	Lĩnh vực	<i>Tuần 1 (Từ 7/4 Đến ngày 11/4) (Tết Hàn Thực thứ 5)</i>	<i>Tuần 2 (Từ 14/4 Đến ngày 18/4)</i>
Thứ 2	PTNT (KPKH)	Trò chuyện với trẻ về nguồn nước. (MT22, 27)	Khám phá thời tiết mùa hè. (MT20, 27) Khám phá về gió (5E)
Thứ 3	PTTM (Tạo hình)	Tô màu tranh (MT78, 83) Làm chuông gió - EDP	Vẽ mây, vẽ mưa (MT 78, 79, 83) Làm chong chóng bằng các nguyên vật liệu - EDP
Thứ 4	PTNT (Toán)	Nhận biết phía trên, phía dưới của bản thân. (MT36)	Ôn: Nhận biết 1 và nhiều. (MT28)
	PTTC (Thể dục)	Bật nhảy qua rãnh nước - T/C: Ròng rã lên mây (Trồng nụ trồng hoa). (MT5)	Bước lên bật xuống bục cao. (30cm) T/C: Chuyển bóng.(MT6)
Thứ 5	PTNN (Văn học)	Truyện: Nàng tiên mưa - 5E (MT46, 53)	Thơ: Ông mặt trời (MT46, 51)
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	VĐ: Trời nắng trời mưa – Đặng Nhật Mai. + Nghe: Mưa rơi. + T/C: Đi theo tiếng mưa rơi. (MT75, 76)	VĐ: Mùa hè đến + Nghe: Lý chiều chiều + T/C: Nghe nhạc đoán tên bài hát. (MT75, 76)

CHỦ ĐỀ 9: QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC - BÁC HỒ - TẾT 1/6 (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Quê hương diệu kỳ

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Thủ Đô Hà Nội

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Bác Hồ với thiếu nhi

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Vui Tết thiếu nhi 1/6

Thứ	Lĩnh vực	<i>Tuần 1 (Từ 21/4 Đến ngày 25/4)</i>	<i>Tuần 2 (Từ 28/4 Đến ngày 2/5)</i>	<i>Tuần 3 (Từ 5/5 Đến ngày 9/5)</i>	<i>Tuần IV (Từ ngày 12/5 đến ngày 16/5)</i>
-----	----------	---	--	---	---

Thứ 2	PTNT (MTXQ)	Trò chuyện về quê hương làng xóm(MT43)	Trò chuyện về Thủ đô Hà Nội. (MT43)	Trò chuyện về Bác Hồ với thiếu nhi. (MT23)	Trò chuyện về “Tết thiếu nhi 1/6” – (MT 42)
Thứ 3	PTTM (Tạo hình)	Vẽ trang trí khung tranh (MT 78, 79, 83) Làm khung tranh từ các nguyên vật liệu – EDP	Vẽ theo ý thích (MT 78, 79, 83)	Dán dây cò (MT80, 82, 83) Làm dây cò (EDP)	Vẽ chùm bóng bay (MT 78, 79, 83) Thiết kế hộp quà tặng bạn (EDP)
Thứ 4	PTNT (Toán)	Ôn: Nhận biết dài – ngắn(5E). (MT34)	Ôn: Nhận biết To – nhỏ (MT34)	Ôn: Nhận biết số lượng trong phạm vi 5, nhận biết 5 chấm tròn. (MT28, 29)	Ôn: Sắp xếp các đồ vật theo quy tắc 1-1. MT 33
Thứ 4	PTTC (Thể dục)	Ném trứng địch nằm ngang - Trò chơi: “Nhảy lò cò” (MT6)	Bò chui qua cổng (MT6) T/c: Tạo dáng	Hội diễn bé khỏe bé ngoan mừng sinh nhật Bác. (MT2,5) Bật về phía trước, Đi trong đường hẹp	Đi kiễng gót (MT 2) T/c: Chuyển bóng
Thứ 5	PTNN (Văn học)	Thơ: “Vườn em” (MT46, 51)	Thơ: “Bác Hồ của em” (MT46, 51)	Truyện: Ai ngoan sẽ được thưởng. (MT46, 53)	Thơ: Bác thăm nhà cháu (5E) (MT46, 510)
Thứ 6	PTTM (Âm nhạc)	VĐ: Quê hương tươi đẹp(đa văn hóa) + Nghe: Quê hương + T/C: Bao nhiêu bạn hát. (MT75, 76)	VĐ: Em yêu thủ đô. (đa văn hóa) + Nghe: Hoa thơm bướm lượn + T/C: Âm thanh kì diệu (MT75, 76)	VĐ: Em mơ gặp Bác Hồ + Nghe: Nhớ ơn Bác. + T/C: Ai đoán giỏi. (MT75, 76)	BD: Hòa bình cho bé (MT75,76) - Nghe: Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác. - TC: tự chọn .MT 75, 76

KHỐI 4 TUỔI THÁNG 9 CHỦ ĐỀ 1: TRƯỜNG MẦM NON (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Trường mầm non của bé

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Vui Tết trung thu

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Cô

giáo và các bạn

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Lớp mình có nhiều đồ chơi

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 9/9 Đến ngày 13/9)	Tuần 2 (Từ ngày 16/9 Đến ngày 20/9) (Tết trung thu thứ 3)	Tuần 3 (Từ ngày 23/9 Đến ngày 27/9)	Tuần 4 (Từ 30/9 Đến ngày 4/10)
2	PTN T (MT XQ)	Trò chuyện về trường mầm non của bé (MT45, 46)	Trò chuyện về tết trung thu (MT49) (5E)	Trò chuyện về lớp mẫu giáo của bé, các hoạt động của cô giáo, các bạn trong lớp. (MT45, 46, 47)	Cho trẻ quan sát đặc điểm nổi bật của đồ dùng đồ chơi trong lớp (MT23)
3	PTT M (TẠ O HÌN H)	Nặn tháp chóp (MT7, 89)	Vẽ về ngày tết trung thu (Vẽ theo ý thích) (MT7, 87)	Tạo hình chùm bóng bay (MT7, 86, 87, 88) (EDP)	Vẽ đồ dùng, đồ chơi trong lớp (Vẽ theo ý thích) (MT7, 87)
	PTN N (C/C)	LQ với CC: “o” (MT67)	LQ với CC: “ô” (MT67)	LQ với CC: “ơ” (MT67)	Ôn CC “o, ô, ơ” (MT67)
4	PTT C (TĐ VĐ)	Luyện đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi (MT2) T/c: Chạy nhanh lấy đúng ĐĐĐC	Đi trên vạch kẻ thẳng (MT2) T/c: Nhảy vào nhảy ra	Nhảy bật tại chỗ (MT5) T/c: Chạy nhanh lấy đúng ĐĐĐC	Chạy theo hướng thẳng (MT3)
	PTN T (LQ VT)	Nhận biết số lượng và chữ số 1, 2 (MT29, 30, 33)	Thêm bớt số lượng trong phạm vi 2, ôn nhận biết số lượng và chữ số 1,2 (MT29, 30, 33)	Ghép đôi tương ứng 1 – 1 (MT35)	Nhận biết to nhỏ (MT37)
5	PTN N (VĂN HỌ C)	Truyện: Thỏ trắng đi học (MT60)	Thơ: Trăng sáng (5E) (MT58)	Thơ: Cô giáo của em (MT58)	Truyện: Mèo con và quyển sách (Sưu tầm) (MT60) (5E)
6	PTT M (ÂN)	VĐ: Ngày vui của bé Nghe: Ngày đầu tiên đi học T/c: Tiếng hát ở đâu (MT84, 85, 92)	VĐ: Rước đèn dưới trăng (5E) Nghe: Chiếc đèn ông sao T/c: Nghe giọng đoán tên bạn hát (MT84, 85, 92)	VĐ: Em đi mẫu giáo Nghe: Cô giáo T/c: Tai ai tinh (MT84, 85, 92)	BD cuối chủ đề (MT84, 85, 92)

KHỐI 4 TUỔI THÁNG 10 CHỦ ĐỀ 2: BÉ NGOAN (4 TUẦN)**CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Tôi là ai****CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Cơ thể bé****CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Các giác quan trên cơ thể bé****CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Tìm hiểu về 4 nhóm thực phẩm**

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ 7/10 Đến ngày 11/10)	Tuần 2 (Từ ngày 14/10 Đến ngày 18/10)	Tuần 3 (Từ 21/10 Đến ngày 25/10)	Tuần 4 (Từ 28/10 Đến ngày 1/11)
2	PTNT (MTXQ)	Phân biệt đặc điểm giống và khác nhau của bé với bạn (Tên tuổi, đầu, tóc, quần áo) (MT42, 47)	Trò chuyện về các giác quan trên cơ thể bé (MT20) (5E)	Trò chuyện về sự cần thiết phải giữ gìn cơ thể khỏe mạnh (MT13)	Đàm thoại về nhu cầu dinh dưỡng đối với sức khỏe và nhu cầu của bé (MT10)
3	PTTM (TẠO HÌNH)	Xé dán hoa tua (MT7, 86, 88, 90) (EDP)	Vẽ bánh sinh nhật (Mẫu) (MT7, 87)	Trang trí váy cho bé gái (EDP) (MT7, 86, 87, 88, 90)	Nặn con lật đật (Mẫu) (MT7, 89)
	PTNN (C/C)	LQ với CC: ‘a’ (MT67)	LQ với CC ‘ă’ (MT: 67)	LQ với CC: ‘â’ (MT67)	Ôn CC: ‘a, ă, â’ (MT67)
4	PTTC (TDVĐ)	Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh T/c: về đúng nhà (MT3)	Tung bóng lên cao và bắt bóng (MT4) T/c: Chim bay cò bay	Nhảy lò cò 3m (MT5) T/c: Tạo dáng	Tung bắt bóng với người đối diện (MT4) T/c: Gieo hạt
	PTNT (LQVT)	Ôn nhận biết SL và chữ số 1, 2 (MT29, 30)	Nhận biết số lượng trong phạm vi 3 và chữ số 3 (MT29, 30)	So sánh chiều cao của 3 đối tượng (MT37)	Nhận biết phía trước, phía sau của bản thân (MT40)
5	PTNN (VĂN HỌC)	Truyện: Mỗi người một việc (Sưu tầm) (MT60)	Thơ: Tâm sự của cái mũi (MT58)	Thơ: Cái lưỡi (MT58)	Truyện: Gấu con chia quà (5E) (MT60)
6	PTTM (ÂN)	VĐ: Cái mũi (MT84, 85, 92) Nghe: Múa cho mẹ xem T/c: Tai ai tinh	VĐ: Rửa mặt như mèo (MT84, 85, 92) Nghe: Hoa bé ngoan T/c: Ai nhanh nhất	VĐ: Đường và chân (MT84, 85, 92) Nghe: Tay thơm tay ngoan T/c: Bạn ở đâu	BD cuối chủ đề (MT84, 85, 92)

KHỐI 4 TUỔI THÁNG 11 CHỦ ĐỀ 3: GIA ĐÌNH (4 TUẦN)**CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Ai cũng yêu bé****CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Bé yêu cô giáo****CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Ngôi nhà thân yêu****CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Nhu cầu gia đình của bé**

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ 4/11 Đến ngày 8/11)	Tuần 2 (Từ ngày 11/11 Đến ngày 15/11)	Tuần 3 (Từ ngày 18/11 Đến ngày 22/11) Ngày 20/11 thứ 4	Tuần 4 (Từ 25/11 Đến ngày 29/11)
2	PTNT (MTX Q)	Trò chuyện về các thành viên công việc mọi người trong gia đình (MT43)	Trò chuyện về ngôi nhà của bé (MT26)	Trò chuyện về ngày 20/11 (MT49) (5E)	Trò chuyện về một số đồ dùng trong gia đình (5E) (MT26)
3	PTT M (TẠO HÌNH)	Tô màu tranh bố bé (theo ý thích) (MT7)	Tạo hình ngôi nhà của bé (MT7, 86, 87, 88, 90) (EDP)	Trang trí áo dài cô giáo (MT7, 86, 87, 88, 90) (EDP)	Nặn cái lán (MT7, 89) (7, 89)
	PTNN (C/C)	LQ với CC: “e” (MT67)	Ôn c/c “e” (MT67)	Ôn CC: “ê” (MT67)	LQ với CC: ê” (MT67)
4	PTTC (TDV Đ)	Ném trúng đích nằm ngang T/C: Kéo co (MT4)	Đập bắt bóng tại chỗ bằng 2 tay (MT4) T/C: Chim bay cò bay	Nhảy xa 35 – 40cm TC: “Kéo co” (MT5)	Đi bước dồn ngang trên ghế TD (MT2) T/C: Mèo đuổi chuột
	PTNT (LQV T)	So sánh thêm bớt số lượng trong phạm vi 3. (MT29, 30, 33)	Nhận biết SL trong phạm vi 4 và nhận biết chữ số 4. (MT29, 30)	Nhận biết rộng hẹp (MT37)	Số 4 (Tiết 2) (MT29, 30, 33)
5	PTNN (VĂN HỌC)	Truyện: Tích Chu (5E) (MT60)	Thơ: Em yêu nhà em (MT58)	Thơ: Bó hoa tặng cô (MT58)	Thơ: Ông mặt trời (MT58)
6	PTT M (ÂN)	VĐ: Cả nhà thương nhau Nghe: Cho con T/c: Ai nhanh nhất (MT84, 85, 92)	VĐ: Nhà của tôi Nghe: Ba ngọn nến lung linh (MT84, 85, 92) T/c: Tai ai tinh	VĐ: Cô giáo Nghe: Cô giáo miền xuôi T/c: Nghe giọng hát đoán tên bạn hát	Biểu diễn cuối chủ đề

KHỐI 4 TUỔI THÁNG 12 CHỦ ĐỀ 4: NGHỀ NGHIỆP (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: *Làm quen công việc nghề sản xuất, dịch vụ* CHỦ ĐỀ NHÁNH III: *Bộ đội công an*

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: *Chú công nhân xây dựng* CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: *Bác sỹ*

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ 2/12 Đến ngày)	Tuần 2 (Từ 9/12 Đến ngày 13/12)	Tuần 3 (Từ 16/12 Đến ngày 20/12)	Tuần 4 (Từ 23/12 Đến ngày 27/12)
-----	----------	---------------------------	---------------------------------	----------------------------------	----------------------------------

		6/12)			
2	PTNT (MTXQ)	Cho trẻ làm quen với công việc của bác nông dân, cô bán hàng (MT48)	Làm quen với đồ dùng nghề xây dựng (MT48)	Làm quen với công việc của chú bộ đội, công an. (MT48)	Làm quen công việc của bác sĩ (MT48) (5E)
3	PTTM (TẠO HÌNH)	Nặn cái cuốc (MT7, 89)	Vẽ đồ dùng của bác thợ xây (Đề tài) (MT7, 87)	Nặn quà tặng chú bộ đội (MT7, 89)	Vẽ thêm đồ dùng của bác sĩ và tô màu bức tranh cho đẹp (MT7, 87)
	PTNN (C/C)	LQ với CC: “u” (MT67)	Ôn C/C: “u” (MT67)	LQ với CC: “u” (MT67)	Ôn CC: “u” (MT67)
4	PTTC (TDVĐ)	Ném xa bằng 1 tay T/C: Tạo dáng (MT4)	Trèo lên xuống bậc thang (MT5) T/C: Tung cao hơn nữa	Ném xa bằng 2 tay T/C: Trồng nụ trồng hoa (MT4)	Bật tách chân, khép chân qua 5 ô (MT5) T/C: Tạo dáng
	PTNT (LQVT)	Đo độ dài 1 vật bằng 1 đơn vị đo. (MT36)	Nhận biết SL trong phạm vi 5 và chữ số 5. (MT29, 30)	Nhận biết các hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. (MT38) (5E)	So sánh thêm bớt SL trong phạm vi 5. (MT29, 30)
5	PTNN (VH)	Truyện: Sự tích quả dưa hấu. (MT60) (5E)	Thơ: Em làm thợ xây (MT58)	Thơ: Chú giải phóng quân (MT58)	Thơ: Thỏ bông bị ốm (MT58)
6	PTTM (ÂN)	VĐ: Lớn lên cháu lái máy cày (MT84, 85, 92) Nghe: Hạt gạo làng ta T/c: Tiếng hát ở đâu	VĐ: Cháu yêu cô chú công nhân (MT84, 85, 92) Nghe: Lớn lên em muốn làm gì? T/c: Tiếng hát ở đâu.	VĐ: Chú bộ đội (MT84, 85, 92) (5E) Nghe: Màu áo chú bộ đội T/c: Tiếng hát ở đâu.	BD: Cuối chủ đề (MT84, 85, 92)

KHỐI 4 TUỔI THÁNG 1 CHỦ ĐỀ 5: THẾ GIỚI THỰC VẬT (5 TUẦN)

(Nghỉ tết: (Từ 28/1 – 3/2/2024)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Cây xanh và môi trường sống

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Một số loại hoa

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Một số loại rau củ quả

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Tết và mùa xuân

CHỦ ĐỀ NHÁNH V : Một số cây lương thực

T h ứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 30/12 – 3/1/2025)	Tuần 2 (Từ ngày 6/1 – 10/1/2025)	Tuần 3 (Từ ngày 13/1 – 17/1/2025)	Tuần 4 (Từ ngày 20/1 - 24/1/2025) <i>(Nghỉ tết: (Từ 27/1 – 2/2/2025)</i>	Tuần 5 (Từ ngày 3/2 – 7/2/2025)
2	PTNT (MTXQ)	Vườn cây nhà bé (MT22, 23)	Một số loại hoa (MT22, 23)	Một số loại rau củ quả (MT22, 23)	Tết và mùa xuân (5E) (MT22, 49)	Phân biệt 2 - 3 loại cây lương thực. (MT22, 23)
3	PTTM (TẠO HÌNH)	Tạo hình cây dừa (5E) (MT7, 86, 87, 88, 90)	Vẽ theo ý thích (MT7, 87)	Tạo hình chùm nho (5E) (MT7, 86, 87, 89)	Dán hoa dây (MT88)	Nặn các loại quả (Đề tài) (MT7, 89)
	PTNN (C/C)	LQ với CC: “b” (MT67)	LQ với CC: “d” (MT67)	LQ với CC: “đ” (MT67)	LQ với CC: “n” (MT67)	LQ với CC: “m” (MT67)
4	PTTC (TDVĐ)	Ném trúng đích bằng 1 tay T/c: Nhảy lò cò (MT4)	Bật – nhảy từ trên cao xuống (30- 35cm) T/c: Ai ném xa nhất (MT5)	Chạy nhanh 15m T/c: Tung cao hơn nữa (MT3)	Chạy chậm 60 - 80cm T/c: Trồng nụ trồng hoa (MT3)	Bò đích dắc qua 5 điểm T/c: Ai ném xa (MT5)
	PTNT (LQVT)	Ôn nhận biết số lượng trong phạm vi 5, nhận biết chữ số từ 1 đến 5 (MT29, 30, 33)	Tách gộp số lượng trong phạm vi 5 (MT29, 30, 31, 32)	Đếm nhận biết số lượng trong phạm vi 6 và chữ số 6 (Tiết 1) (MT29, 30, 33)	Xếp tương ứng 1-1 (MT35)	Nhận biết phía trên phía dưới của bản thân. (MT40)
5	PTNN (VĂN HỌC)	Truyện: Rau thì là (MT60)	Thơ: Hoa kết trái (MT58)	Truyện: Củ cải trắng (5E) (MT60)	Thơ: Hoa đào (MT58)	Thơ: hạt gạo làng ta (MT58)
6	PTTM (ÂN)	VĐ: Em yêu cây xanh. Nghe: Cây trúc xinh. (MT84, 85, 92) T/c: Tìm về đúng	VĐ: Màu hoa Nghe: Hoa trong vườn T/c: Thi xem ai nhanh (MT84, 85, 92)	VĐ: Quả Nghe: Hoa kết trái T/c: Hái quả (MT84, 85, 92)	VĐ: Sắp đến tết rồi (5E) Nghe: Mùa xuân ơi (MT84, 85, 92) T/c: Nghe tiếng hát tìm đồ vật	BD: Cuối chủ đề (MT84, 85, 92)

		vườn			
--	--	------	--	--	--

KHỐI 4 TUỔI THÁNG 2 CHỦ ĐỀ 6: THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (4 TUẦN)

NHÁNH I: Một số con vật nuôi trong gia đình

NHÁNH III: Một số động vật sống dưới nước

NHÁNH II: Một số động vật sống trong rừng

NHÁNH IV: Một số loài côn trùng

T h ứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 10/2 – 14/2/2025)	Tuần 2 (Từ ngày 17/2 – 21/2/2025)	Tuần 3 (Từ ngày 24/2 – 28/2/2025)	Tuần 4 (Từ ngày 3/3 - 7/3/2025)
2	PTN T (MT XQ)	Một số con vật nuôi trong gia đình (MT22, 23) (5E)	Một số con vật sống trong rừng (MT22, 23)	Phân biệt 2 – 3 loại cá (MT22, 23)	Quan sát côn trùng quen thuộc (MT22, 23)
3	PTT M (TẠO HÌNH)	Vẽ con vịt (Đề tài) (MT7, 87)	Tạo hình con thỏ (EDP) (MT7, 86, 87, 88, 90)	Cắt dán tổ chim (EDP) (MT7, 86, 87, 88, 90)	Vẽ con bướm bằng vân tay (MT7, 86, 87)
	PTN N (C/C)	LQ với CC: “i” (MT67)	LQ với CC: “t” (MT67)	LQ với CC: “c” (MT67)	Ôn CC: “i, t, c” (MT67)
4	PTT C (TDV Đ)	Bò thấp chui qua cổng T/c: Mèo và chim sẻ (MT5)	Đi theo đường dích dắc T/c: Cáo ơi ngủ à (MT2)	Bật liên tục về phía trước T/C: Chim bói cá rình mồi (MT5)	Lăn bóng và di chuyển theo bóng (MT4) T/c: Kéo co
	PTN T (LQV T)	Số 6 (tiết 2) (MT29, 30, 33)	Số 7 (Tiết 1) (MT29, 30, 33)	Số 8 (Tiết 1) (MT29, 30, 33)	Số 7 (Tiết 2) (MT29, 30, 33)
5	PTN N (VĂN HỌC)	Thơ: Mèo con (MT58)	Truyện: Cáo thỏ và gà trống (MT60) (5E)	Thơ: Rong và cá (MT58)	Thơ: Chim chích bông (MT58)
6	PTT M (ÂN)	VĐ: Gà trống mèo con và cún con Nghe: Đàn gà con T/c: Tai ai tinh (MT84, 85, 92)	Hát: Đố bạn Nghe: Chú voi con ở bản đôn T/c: Ai nhanh nhất (MT84, 85, 92)	VĐ: Cá vàng bơi Nghe: Cái bóng T/c: Tai ai tinh (MT84, 85, 92)	BD cuối CD (MT84, 85, 92)

KHỐI 4 TUỔI THÁNG 3 CHỦ ĐỀ 7: BÉ ĐI ĐƯỜNG AN TOÀN (4 TUẦN)
NHÁNH I: Các phương tiện giao thông đường bộ **NHÁNH III: Luật giao thông phổ biến**
NHÁNH II: Bé đi tàu hỏa **NHÁNH IV: Một số biển báo giao thông**

Th ứ	Lĩ nh vực	Tuần 1 (Từ ngày 10/3 - 14/3/2025)	Tuần 2 (Từ ngày 17/3 - 21/3/2025)	Tuần 3 (Từ ngày 24/3 - 28/3/2025)	Tuần 4 (Từ ngày 31/3 – 4/4/2025)
2	PTN T (MT XQ)	Bé biết gì về giao thông đường bộ (Xe đạp, xe máy, ô tô) (MT20, 26) (5E)	Làm quen một số phương tiện giao thông phổ biến (MT20, 26)	Làm quen một số luật giao thông (MT20, 26)	Làm quen một số biển báo giao thông. (MT20, 26)
3	PTT M (TA O HÌN H)	Nặn ô tô (MT7, 89)	Tô màu đoàn tàu (MT7)	Cắt dán thuyền trên biển (Đề tài) (EDP) (MT7, 86, 88, 90)	Vẽ máy bay (Đề tài) (MT7, 87)
	PTN N (C/ C)	LQ với CC: “l” (MT67)	LQ với CC: “h” (MT67)	LQ với CC: “k” (MT67)	LQ với CC: “p, q” (MT67)
4	PTT C (TD VĐ)	Trườn theo hướng thẳng T/c: Tín hiệu (MT5)	Chuyền bóng qua đầu qua chân T/c: Kéo co (MT4)	Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh T/c: Chèo thuyền (MT3)	Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 – 4m T/c: Nhảy lò cò (MT5)
	PTN T (LQ VT)	Đếm nhận biết số lượng trong phạm vi 9, nhận biết 9 chấm tròn (MT29, 30, 33)	Số 9 (Tiết 2) (MT29, 30, 31, 32, 33)	Xác định tay phải tay trái của bản thân (MT40)	Phân biệt hình tròn, hình tam giác trong thực tế. (MT38)
5	PTN N (VÃ N HỌ C)	Truyện: Kiến đi ô tô (MT60)	Thơ: Gấu qua cầu (5E) (MT58)	Truyện: 3 ngọn đèn (MT60)	Thơ: Đi chơi phố (MT58)
6	PTT M (ÂN)	VĐ: Em tập lái ô tô Nghe: Nhớ lời cô dẫn T/c: Tín hiệu (MT84, 85, 92)	VĐ: Đường em đi Nghe: Em đi chơi thuyền T/c: Tai ai tinh (MT84, 85, 92)	VĐ: Em đi qua ngã tư đường phố (MT84, 85, 92) Nghe: Đèn xanh đèn đỏ T/c: Đoán tên bạn hát	BD cuối chủ đề (MT84, 85, 92)

KHỐI 4 TUỔI THÁNG 4 CHỦ ĐỀ 8: NƯỚC VÀ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (2 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Sự diệu kì của nước
CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Các mùa trong năm

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 7/4 – 11/4/2025)	Tuần 2 (Từ ngày 14/4 – 18/4/2025)
2	PTNT (MTXQ)	Sự diệu kì của nước (MT19, 21, 24)	Các mùa trong năm (5E) (MT19)
3	PTTM (TẠO HÌNH)	Tạo hình sóng nước (EDP) (MT7, 86, 87, 89)	Vẽ cái điều (Đề tài) (MT7, 87)
	PTNN (C/C)	LQ với CC: “g” (MT67)	LQ với CC: “y” (MT67)
4	PTTC (TDVĐ)	Bật qua rãnh nước (30 - 35cm) T/c: Rồng rắn lên mây (MT5)	Bò dích dắc qua 5 điểm T/c: Chèo thuyền (MT5)
	PTNT (LQVT)	So sánh dài nhất ngắn nhất (MT37)	Xác định thời gian trong ngày: Sáng, trưa, chiều, tối (MT41)
5	PTNN (VĂN HỌC)	Truyện: Cuộc hành trình dưới biển khơi (MT60)	Thơ: Ông mặt trời bật lửa (5E) (MT58)
6	PTTM (ÂN)	VĐ: Mây và gió Nghe: Mưa rơi T/c: Ai đoán giỏi (MT84, 85, 92)	BD cuối CĐ. (MT84, 85, 92)

KHỐI 4 TUỔI THÁNG 5 CHỦ ĐỀ 9: QUÊ HƯƠNG – ĐẤT NƯỚC - BÁC HỒ - TẾT 1 - 6 (4 TUẦN)

NHÁNH I: Quê hương tươi đẹp **NHÁNH III: Bác Hồ với thiếu niên nhi đồng**
NHÁNH II: Đất nước diệu kì **NHÁNH IV : Tết thiếu nhi 1/6**

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 21/4 – 25/4/2025)	Tuần 2 (Từ ngày 28/4 – 2/5/2025)	Tuần 3 (Từ ngày 5/5 – 9/5/2025)	Tuần 4 (Từ ngày 12/5 – 16/5/2025)
2	PTNT (MTXQ)	Quê hương tươi đẹp (MT50, 75)	Giới thiệu về thủ đô Hà Nội. (MT50, 75)	Bác Hồ với các cháu thiếu nhi. (MT74)	Trò chuyện về ngày tết thiếu nhi 1/6 (MT49) (5E)

3	PTTM (TẠO HÌNH)	Tô màu ao hồ (EDP) (MT7, 86, 87, 88, 90)	Vẽ dây cờ (MT7, 87)	Cắt dán ao cá Bác Hồ (Đề tài) (MT7, 86, 87, 90)	In bức tranh đêm pháo hoa (MT7, 86, 87)
	PTNN (C/C)	LQ với CC: “s” (MT67)	LQ với CC: “x” (MT67)	LQ với CC: “v” (MT67)	LQ với CC: “r” (MT67)
4	PTTC (TDVD)	Trèo lên xuống ghế T/c: Nhảy lò cò (MT5)	Bật qua vật cản 10 – 15 cm T/c: Bắt chước tạo dáng (MT5)	Bật tách chân, khép chân qua 5 ô T/c: Kéo co (MT5)	Tổ chức hội thi thể thao nhân ngày sinh nhật Bác. (Chạy theo hướng thẳng, ném trúng đích nằm ngang) (MT3, 4) TC: Nhảy lò cò.
	PTNT (LQVT)	Ghép các hình (MT39) (5E)	Sắp xếp theo qui tắc (MT35)	Ôn tập	Ôn tập
5	PTNN (VĂN HỌC)	Truyện: Ông Gióng (MT60) (5E)	Thơ: Bác Hồ của em (MT58)	Truyện: Quả táo Bác Hồ (MT60)	Thơ: Ảnh Bác (MT58)
6	PTTM (ÂN)	VĐ: Quê hương tươi đẹp Nghe: Quê hương T/c: Tai ai tinh (MT84, 85, 92)	VĐ: Yêu Hà Nội. Nghe: Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác T/c: Ai đoán giỏi (MT84, 85, 92)	VĐ: Nhớ ơn Bác Nghe: Em mơ gặp Bác Hồ T/c: Bao nhiêu bạn hát (MT84, 85, 92) (5E)	BD cuối chủ đề (MT84, 85, 92)

KHỐI 5 TUỔI THÁNG 9 CHỦ ĐỀ 1: TRƯỜNG MẦM NON (4 TUẦN)

NHÁNH I: Trường mầm non của bé. **NHÁNH III:** Cô giáo và các bạn.

NHÁNH II: Vui Tết trung thu.

NHÁNH IV: Lớp mình có nhiều đồ chơi.

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 9/9-13/9/2024)	Tuần 2 (Từ ngày 16/9 - 20/9/2024)	Tuần 3 (Từ ngày 23/9 - 27/9/2024)	Tuần 4 (Từ ngày 30/09 - 4/10/2024)
2	PTNT (MT XQ)	Trò chuyện về trường mầm non	Trò chuyện về tết trung thu (5E)	Trò chuyện về lớp mẫu giáo của bé, các hoạt động của cô giáo, các bạn trong lớp.	Cho trẻ quan sát đặc điểm nổi bật của đồ dùng đồ chơi trong lớp
3	PTTC	Đi thăng bằng trên ghế thể dục. T/c : Gieo	Chạy theo đường rích rạch. T/c: Nhảy vào	Đi nói gót bàn chân tiến về phía trước	Nhảy lò cò 5 - 7 bước liên tục đổi chân theo yêu cầu.

	(TDV Đ)	hạt	nhảy ra	T/c: Chạy nhanh lấy đúng ĐĐĐC	
	PTN T (TOÁN)	Ôn nhận biết số lượng và chữ số 1, 2, 3	Ôn số lượng và chữ số 4, nhận biết hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	Ôn nhận biết chữ số trong phạm vi 5. So sánh thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 5.	Thêm bớt, tách gộp trong phạm vi 5.
4	PTN N (C/C)	Làm quen đồ dùng chữ cái	Làm quen c/c O, Ô, O	Tập tô c/c O, Ô, O	Ôn c/c O, Ô, O
5	PTT M (TẠO HÌNH)	Vẽ trường MN	Vẽ ngày tết trung thu Làm đèn trung thu EDP	Vẽ chân dung cô giáo	Tạo hình lật đật
	PTN N (VĂN HỌC)	Thơ: Nghe lời cô giáo	Truyện: Học trò của cô giáo chim khách	Thơ: Vui trung thu	Thơ: Tình bạn
6	PTT M (ÂM NHẠC)	VĐ: Chào một ngày mới Nghe: Ngày đầu tiên đi học T/c: Tai ai tinh	VĐ: Đêm trung thu Nghe: Cây đa quán dóc T/c: Nghe giọng đoán tên bạn hát	VĐ: Em đến trường mầm non Nghe: Bài ca đi học T/c: Nghe giọng đoán tên bạn hát	BD cuối chủ đề

KHỐI 5 TUỔI THÁNG 10 CHỦ ĐỀ 2: BẢN THÂN (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Tôi là ai.

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Cơ thể tôi

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Các giác quan trên cơ thể.

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ 7/10 - 11/10/2024)	Tuần 2 (Từ ngày 14/10 - 18/10/2024)	Tuần 3 (Từ ngày 21/10 - 25/10/2024)	Tuần 4 (Từ ngày 28/10 - 1/11/2024)
2	PTN T (MT XQ)	Đàm thoại, T/c về đặc điểm giống và khác nhau của bản thân và bạn bè.	T/c, đàm thoại về các bộ phận cơ thể bé (các giác quan các bộ phận)	T/c với trẻ: Phân biệt các bộ phận, các chức năng, hoạt động chính của bản thân.	T/c phân biệt các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người.
3	PTT C (TD)	Tung bóng lên cao và bắt bóng. T/c: Về	Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.	Bò bằng bàn tay và bàn chân 4 – 5m	Bật tách chân, khép chân qua 7 ô T/c : Tung và bắt bóng

	VĐ)	đúng nhà	T/c : Gieo hạt		
	PTN T (TOÁN)	Ghép đôi tương ứng 1 - 1 thành các cặp đối tượng có mối liên quan.	So sánh chiều cao của bản thân và 2 bạn	Xác định phía trên – phía dưới, phía trước - sau của bản thân, của bạn khác.	Xác định phía trên – phía dưới, phía trước - sau của đối tượng có sự định hướng.
4	PTN N (C/C)	LQC/C: a,ă,â (5E)	Ôn c/c: a,ă,â	Tập tô c/c: a,ă,â	Ôn c/c: a,ă,â; o,ô,ơ
5	PTT M (TAO HÌNH)	Vẽ áo sơ mi Thiết kế trang phục bằng các nguyên vật liệu khác nhau(EDP)	Sử dụng các nguyên vật liệu(len, bóng bàn, bút dạ) làm thành bé trai, bé gái - Thiết kế tóc cho bạn trai, bạn gái (EDP)	Tạo hình gấu bông Làm mũ đội đầu (EDP)	In hình bàn tay trang trí theo ý thích
	PTN N (VĂN HỌC)	Truyện: Ai đáng khen nhiều hơn (5E)	Thơ: Tay ngoan	Truyện: Đôi tai xấu xí	Thơ: Tâm sự của cái mũi
6	PTT M (ÂM NHẠC)	Hát: Năm tay thân thiết Nghe: Hoa thơm bướm lượn T/c: Bao nhiêu bạn hát	Vđ: Bài ca rửa tay Nghe: Ru con T/c : Truyền tin	Hát: Khúc hát đôi bàn tay Nghe : Lý chiều chiều T/c : Nghe giọng hát đoán tên b.hát	BD cuối chủ đề

KHỐI 5 TUỔI THÁNG 11 CHỦ ĐỀ 3 : NGÔI NHÀ THÂN YÊU CỦA BÉ (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Gia đình bé

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Ai cũng yêu bé

CHỦ ĐỀ NHÁNH III : Bé yêu cô giáo

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV : Đồ dùng gia đình

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 4/11 – 8/11/2024)	Tuần 2 (Từ ngày 11/11 – 15/11/2024)	Tuần 3 (Từ ngày 18/11 – 22/11/2024)	Tuần 4 (Từ ngày 25/11 – 29/11/2024)
------------	-----------------	--	--	--	--

2	PTN T (MT XQ)	T/c về gia đình của bé và công việc của các thành viên trong gia đình	T/c về ngôi nhà của bé	Bé với cô giáo	Phân loại đồ dùng và chất liệu (5E)
3	PTT C (TD VĐ)	Bật liên tục vào vòng T/c: Kéo co	Đi bước dồn trước dồn ngang trên ghế thể TD T/c : Nhảy tiếp sức	Bò đích dắc qua 7 điểm. T/c : Về đúng nhà	Đi chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh. T/c: Ném bóng vào rổ
	PTN T (TO ÁN)	Đếm nhận biết số lượng và chữ số 6, So sánh thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 6.	Thêm bớt, tách gộp trong phạm vi 6.	Nhận biết phân biệt khối cầu, khối trụ.	Nhận biết phân biệt khối vuông, khối chữ nhật.
4	PTN N (C/C)	LQCC: e, ê (5E)	Trò chơi với c/c: e,ê	Tập tô CC: e, ê	Ôn c/c: e, ê
5	PTT M (TA O HÌN H)	Vẽ cái ô - Thiết kế khung ảnh gia đình (5E)	Cắt, dán ngôi nhà Thiết kế ngôi nhà (EDP)	Tạo hình lọ hoa (IDP) Làm bưu thiếp tặng cô. Làm bông hoa tặng cô (EDP)	Nặn cái cốc
	PTN N (VĂN HỌC)	Truyện: Ba cô gái	Thơ: Giữa vòng gió thơm	Thơ: Thăm cô giáo (Bó hoa tặng cô)	Truyện: Bàn tay có nụ hôn
6	PTT M (ÂM NHẠC)	VĐ: Múa cho mẹ xem Nghe: Cho con T/c: Đoán tên ai ra ngoài	VĐ: Nhà của tôi Nghe : Ba ngọn nến lung linh T/c : Tai ai tinh	VĐ: Cô giáo miền xuôi Nghe: Cô giáo về bản T/c : Nghe giọng hát đoán tên bạn hát	BD: Cuối chủ đề

KHỐI 5 TUỔI THÁNG 12 CHỦ ĐỀ 4: MỘT SỐ NGHỀ (4TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Bác nông dân

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Chú cảnh sát (Giúp đỡ cộng đồng)

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Cô bán hàng

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Nghề truyền thống ở địa phương

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 2/12 – 6/12/2024)	Tuần 2 (Từ ngày 9/12 – 13/12/2024)	Tuần 3 (Từ ngày 16/12 – 20/12/2024)	Tuần 4 (Từ ngày 23/12 – 27/12/2024)
2	PTNT (MTXQ)	Trò chuyện về công việc của bác nông dân Khám phá về công việc của bác nông dân - 5E.	Trò chuyện làm quen nghề thợ may, bán hàng	Trò chuyện với trẻ về nghề bộ đội, công an	Phân loại đồ dùng sản phẩm theo nghề
3	PTTC (TDVĐ)	Đi trên dây (dây đặt trên sàn) T/c: Trồng nụ trồng hoa	Đập bắt bóng tại chỗ. T/c: Người tài xế giỏi	Ném xa bằng một tay, Bật xa 50cm	Ném xa bằng 2 tay T/c: Kéo co
	PTNT (TOÁN)	So sánh, phát hiện sự sắp xếp theo qui tắc.	Nhận biết mục đích của phép đo	Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh kết quả phép đo.	Số 7 (tiết 1, 2)
4	PTNN (LQ C/C)	LQCC: u, u (5E)	Ôn u, u	Tập tô c/c: u, u	Ôn u, u
5	PTTM (TẠO HÌNH)	Vẽ dụng cụ của bác nông dân	Trang trí cái đĩa	Vẽ bác sỹ	Nặn cái búa
	PTNN (VĂN HỌC)	Truyện: Hai anh em	Thơ: Cái bát xinh xinh (5E)	Thơ: Chú bộ đội hành quân trong mưa	Thơ: Hạt gạo làng ta (5E)
6	PTTM (ÂM NHẠC)	VĐ: Lớn lên cháu lái máy cày (sợi rom vàng) Nghe: Hạt gạo làng ta T/c: Tai ai tinh	Hát: Cháu yêu cô chú công nhân Nghe: Cháu yêu cô thợ dệt T/c: Đoán tên bạn hát	VĐ: Em muốn làm Nghe: Màu áo chú bộ đội T/c: Tai ai tinh	BD cuối chủ đề

KHỐI 5 TUỔI THÁNG 2 CHỦ ĐỀ 5: THẾ GIỚI THỰC VẬT (5 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Cây xanh và môi trường sống

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Một số loại rau củ quả

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Một số loại hoa

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Tết Nguyên đán

CHỦ ĐỀ NHÁNH V: Một số cây lương thực

(Nghỉ tết từ 27/1 đến 2/2/2025 dương)

Thứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 30/12 – 3/1/2025)	Tuần 2 (Từ ngày 6/1 – 10/1/2025)	Tuần 3 (Từ ngày 13/1 – 17/1/2025)	Tuần 4 (Từ ngày 20/1 - 24/1/2025) (Nghỉ tết: (Từ 27/1 – 2/2/2025))	Tuần 5 (Từ ngày 3/2 – 7/2/2025)
2	PTNT (MTXQ)	Cây xanh và môi trường sống	Một số loại rau củ quả	Một số loại hoa	Tết và mùa xuân	T/c về sản phẩm các cây lương thực Khám phá bắp ngô(5E)
3	PTTC (TDVĐ)	Ném trúng đích nằm ngang. T/c: Nhảy lò cò	Trèo lên xuống thang. T/c : Ai nhanh hơn	Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế thể dục.	Đi trên ván kê dốc T/c: Vận chuyển lương thực	Chuyền bắt bóng bên phải bên trái. T/c : Tín hiệu
	PTNT (TOÁN)	Số 8 (T3)	Nhận biết số lượng chữ số trong phạm vi 9.	So sánh thêm bớt trong phạm vi 9.	Chia 9 đối tượng thành 2 nhóm nhỏ .	Ôn số 9
4	PTNN (C/C)	LQCC: b, d, đ (5E)	Tập tô c/c: b, d, đ	LQCC: m, n (5E)	Tập tô c/c: m, n	Ôn b, d, đ, m, n
5	PTTM (TẠO HÌNH)	Nặn cây ăn quả	Xé dán chùm nho	Vẽ vườn hoa Làm hoa từ các nguyên vật liệu tự nhiên(EDP)	Xé, dán cây hoa ngày tết Làm pháo hoa ngày Tết (EDP)	In lá cây
	PTNN (VĂN HỌC)	Truyện: Sự tích cây vú sữa	Thơ: Hoa kết trái (5E)	Thơ: Hoa cúc vàng	Truyện: Sự tích bánh chưng bánh giầy	Truyện: Sự tích cây khoai lang
6	PTTM (ÂM NHẠC)	Hát: Lý cây xanh (đa văn hóa) Nghe: Cây trúc xinh T/c: Khiêu vũ với bóng	Hát: Quả Nghe: Hoa thơm bướm lượn T/c:Tai ai tinh	Hát: Ra vườn hoa Nghe: Hoa trong vườn T/c: Tìm về đúng vườn	Hát: Mùa xuân Nghe: Mùa xuân ơi T/c: Hái hoa dân chủ	BD cuối chủ đề

KHỐI 5 TUỔI THÁNG 1 CHỦ ĐỀ 6: NHỮNG CON VẬT YÊU THÍCH (4 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: *Con vật nuôi trong gia đình*

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: *Động vật sống trong rừng*

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Động vật sống dưới nước**CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Côn trùng**

Th ứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 10/2 – 14/2/2025)	Tuần 2 (Từ ngày 17/2 – 21/2/2025)	Tuần 3 (Từ ngày 24/2 – 28/2/2025)	Tuần 4 (Từ ngày 3/3 - 7/3/2025)
2	PTN T (MT XQ)	Một số con vật nuôi trong gia đình Khám phá con gà thuộc nhóm gia cầm (5E)	Một số con vật sống trong rừng	Một số động vật sống dưới nước	Một số côn trùng Vòng đời của bướm (5E)
3	PTT C (TD VĐ)	Bò bằng bàn tay cẳng chân, chui qua cổng. T/c: Tín hiệu	Chuyển bóng qua đầu qua chân. T/c: Cáo oi ngủ à	Bật nhảy từ trên cao xuống (40 - 45 cm) T/c : Kéo co	Ném xa bằng 2 tay, chạy nhanh 15 m.
	PTN T (TO ÁN)	Thêm bớt, tách gộp trong phạm vi 7	Nhận biết số lượng và chữ số 8.	Số 8 tiết 2	Đo 1 đối tượng bằng các đơn vị đo khác nhau
4	PTN N (LQ C/C)	LQCC : i, t, c (5E)	Ôn c/c: i, t, c	Tập tô c/c: i, t, c	Ôn c/c : i, t, c
5	PTT M (TA O HÌN H)	Vẽ đàn vịt đang bơi Làm chuồng cho các con vật (EDP)	Tạo hình con thỏ bằng các nguyên vật liệu khác nhau (EDP)	Cắt, dán con cá Làm các con vật sống dưới nước bằng các nguyên vật liệu tự nhiên (EDP)	In đàn kiến bằng vân tay
	PTN N (VĂN HỌC)	Thơ : Mèo đi câu cá (5E)	Truyện: Chú dê đen (5E)	Thơ: Nàng tiên ốc	Truyện: Cá chép con
6	PTT M (ÂM NHẠ C)	Hát: Đàn gà trong sân Nghe : Gà gáy T/c : Sơn mi	Hát : Chú thỏ con Nghe : Chú voi con ở bản đôn T/c : Thỏ nhảy vào chuồng	VĐ: Em học nhạc Nghe : Chú ếch con T/c : Con vật đáng yêu	BD cuối chủ đề

KHỐI 5 TUỔI THÁNG 3 CHỦ ĐỀ 7: BÉ ĐI ĐƯỜNG AN TOÀN (4 TUẦN)**CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Các phương tiện giao thông****CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Các phương tiện giao thông**

CHỦ ĐỀ NHÁNH III: Luật giao thông phổ biến**CHỦ ĐỀ NHÁNH IV: Một số biển báo giao thông**

Th ứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 10/3 - 14/3/2025)	Tuần 2 (Từ ngày 17/3 - 21/3/2025)	Tuần 3 (Từ ngày 24/3 - 28/3/2025)	Tuần 4 (Từ ngày 31/3 – 4/4/2025)
2	PTN T (MT XQ)	LQ Một số phương tiện giao thông phổ biến Khám phá xe đạp (xe máy)(5E)	QS Phân loại một số phương tiện giao thông qua đặc điểm ích lợi, nơi HD	Một số luật giao thông phổ biến	Thực hành về một số luật giao thông theo biển báo
3	PTT C (TD VĐ)	Ném trúng đích thẳng đứng. T/c: Cáo và thỏ	Đi và đập bắt bóng T/c : Người tài xế giỏi	Đi nối gót giạt lùi T/c : Ai nhanh hơn	Chạy 18m trong 10 giây.
	PTN T (TO ÁN)	Chắp ghép các hình hình học, tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau	Ôn ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	XĐ vị trí phía phải - phía trái của bản thân, của bạn khác	XĐ vị trí phía phải - phía trái của đối tượng có sự định hướng. (đồ vật với đồ vật)
4	PTN N (C/C)	LQCC: 1	Tập tô c/c: 1	LQCC: h, k (5E)	Tập tô c/c: h, k
5	PTT M (TẠ O HÌN H)	Vẽ máy bay trực thăng Thiết kế dù	Cắt, dán xe ô tô Thiết kế xe ô tô (EDP)	Tạo hình chiếc thuyền (IDP)	Nặn cột đèn giao thông Thiết kế đèn giao thông (EDP)
	PTN N (VĂN HỌC)	Truyện: Thỏ con đi học	Thơ: Chú cảnh sát giao thông	Truyện: Vì sao thỏ cụt đuôi	Thơ: Giúp bà (5E)
6	PTT M (ÂM NHẠ C)	Hát: Em đi chơi thuyền Nghe: Anh phi công ơi T/c: Ai nhanh nhất - Kịch bản 8/3	VĐ: Em là công an tí hon Nghe: Nhớ lời cô dặn T/c: Tai ai tinh	VĐ: Em đi qua ngã tư đường phố Nghe: T/c: Em đi qua ngã tư đường phố	BD cuối chủ đề

KHỐI 5 TUỔI THÁNG 4 CHỦ ĐỀ 8: NƯỚC VÀ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (2 TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: Nước

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: Các mùa trong năm

Th ứ	Lĩnh vực	Tuần 1 (Từ ngày 7/4 – 11/4/2025)	Tuần 2 (Từ ngày 14/4 – 18/4/2025)
2	PTN T (MTX Q)	T/c về các nguồn nước	T/c về các mùa và hiện tượng tự nhiên Khám phá về gió (5E)
3	PTT C (TDV Đ)	Bật xa qua rãnh nước T/c: Ròng rã lên mây	Đi nổi bàn chân tiến lùi. T/c: Ai nhanh hơn
	PTN T (TOÁ N)	So sánh độ lớn của 3 đối tượng (Đo dung tích của nước)	Nhận biết các thứ trong tuần.
4	PTN N (C/C)	LQCC: p, q (5E) g, y	Tập tôc/c: p, q, g, y
5	PTT M (TAO HÌNH)	Tạo hình đám mây. - Thiết kế máy lọc nước mini và thử nghiệm máy lọc nước 5E Làm chuông gió - EDP	Cắt, dán bầu trời đêm tối.
	PTN N (VĂN HỌC)	Truyện kể: Hồ nước và mây	Thơ: Cầu vồng (5E)
6	PTT M (ÂM NHẠ C)	VĐ: Cho tôi đi làm mưa với Nghe: Mưa rơi T/c: Tai ai tinh	BD cuối chủ đề

KHỐI 5 TUỔI THÁNG 5 CHỦ ĐỀ:

QUÊ HƯƠNG – BÁC HỒ - TRƯỜNG TIỂU HỌC (4TUẦN)

CHỦ ĐỀ NHÁNH I: *Quê hương của em*

CHỦ ĐỀ NHÁNH II: *Đất nước diệu kỳ*

CHỦ ĐỀ NHÁNH III : *Trường tiểu học*

CHỦ ĐỀ NHÁNH IV : *Bác hồ kính yêu*

Th ứ	Lĩn h vự c	Tuần 1 (Từ ngày 21/4 – 25/4/2025)	Tuần 2 (Từ ngày 28/4 – 2/5/2025)	Tuần 3 (Từ ngày 5/5 – 9/5/2025)	Tuần 4 (Từ ngày 12/5 – 16/5/2025)
2	PTN T (MT XQ)	PTNT (KPKH) T/c về làng xóm phố phường những địa danh nổi tiếng của quê hương	PTNT (KPKH) Giới thiệu về thủ đô Hà Nội	PTNT (KPKH) Trò chuyện về trường tiểu học	PTNT (KPKH) Thảo luận về những hình ảnh của Bác Hồ với thiếu nhi
3	PTT C (TD VĐ)	Bò thạp chui qua cổng T/c: Rồng rắn lên mây	Nhảy qua vật cản 10 – 15cm T/c: Thi ném túi cát	Chạy chậm 100 – 120m T/c: Mèo đuổi chuột	Tổ chức hội thi thể thao nhân ngày sinh nhật Bác T/c : Nhảy lò cò
	PTN T (TO ÁN)	Số 10 tiết 1	Số 10 tiết 2	Số 10 tiết 3	So sánh, phát hiện sự sắp xếp theo qui tắc. Tạo ra quy tắc sắp xếp.
4	PTN N (C/C)	LQCC: x, s	Tập tô c/c: x, s	LQCC: v, r	Tập tô c/c: v, r
5	PTT M (TA O HÌN H)	Vẽ ngọn núi	Vẽ theo ý thích Thiết kế chùa 1 cột (EDP)	Cắt, dán trường tiểu học Thiết kế hộp quà tặng bạn (EDP)	Trang trí ảnh Bác Hồ Làm khung tranh từ các nguyên vật liệu – EDP
	PTN N (VĂN HỌC)	Truyện: Ông giống	Truyện: Sự tích hồ gươm	Thơ: Cô giáo của em	Thơ: Ảnh Bác
6	PTT M (ÂM NHẠ C)	VĐ: Quê hương tươi đẹp (đa văn hóa) Nghe: Quê hương T/c: Bao nhiêu bạn hát	VĐ: Yêu Hà Nội Nghe: Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác T/c:	VĐ: Tạm biệt búp bê thân yêu. Nghe: Cô giáo T/c:	Biểu diễn cuối chủ đề